

EM BÉ PHÙ TANG

(Theo lời kể câu chuyện của chính mình, anh Hà Minh Thành, nhân viên cảnh sát Việt Nam phục vụ tại Fukushima, Nhật Bản, nhân thiên tai Sóng Thần, 2011. [Nguồn: www.newamericamedia.org - Letter from-Fukushima: AVietnamese-Japanese police office's...])

Một đoàn người
nói đuôi nhau... chờ phần cơm từ thiện
Dạ đói mềm, lòng chắt ngát thương đau
Họ mất nhà, mất người thân yêu ruột thịt...
trong sóng thần, dưới đáy đại dương sâu

Đứng cuối hàng, một bé thơ chín tuổi
Run lập cập trong quần cụt áo thun
Hỏi cha đâu? – Cha bị cuốn phăng trước mắt
Hỏi mẹ đâu? - Mẹ và em... nhà gần biển...
giữa muôn trùng...

Chú cảnh sát Việt nhường em phần ăn tối
Em khom người cảm tạ tấm lòng son
Rồi thoát chạy đi... đưa các cô di nhờ
phân phối
Cho mọi người chung hưởng chút quà con

Chú cảnh sát ngỡ ngàng...
Quay mặt dẫu hai hàng nước mắt
Em đâu biết, chúng tôi xa nửa vòng trái đất
Cũng bàng hoàng xúc động, lệ dâng tràn!

Giọt lệ cảm thông nhỏ xuống cảnh điêu tàn
của dân tộc em, một dân tộc kiêu hùng,
cam chịu lắm tai oan
Giọt lệ sót sa một nhân sinh bé nhỏ,
sớm hiểu lẽ vô thường, không không, có có...

Em can trường nhận mất mát, đau thương
Em quên cái “ta” trong cõi đời chung chạ
Em hỷ xả, chia cơm cho người xa lạ
Em tử bi cứu đỡ kẻ chung đường...

Em là niềm tin, thấp sáng thiên lương
cho bao người một sát na đồn ngộ
Là ngọn đuốc cuối đường hầm cùng khổ
góp hành trang cho tuổi trẻ lên đường
đem hạnh phúc, yêu thương gieo mầm
trên thế giới...
Sáng nữa lên, em!

Ôi tấm gương vời vời!



TRƯƠNG ANH THỤY

“LỬA NGÔNG” TRONG THƠ VĂN LÊ MAI LĨNH

TRƯƠNG ANH THỤY

Tiếng Việt mình thật là phong phú! Người ta nói “lửa thù,” “lửa hận,” “lửa tham,” “lửa ghen,” “lửa tình,” “lửa Việt,” “chuyến ‘lửa’ về quê nhà,” “lửa bếp,” “lửa rừng,” “lửa trại,” “lửa tam muội*”... v.v. và... v.v... Còn tôi thì... sau khi đọc cuốn *Tuyển Tập Lê Mai Lĩnh – Thơ-Văn-Tiểu luận*, gấp sách lại suy ngẫm, cố tìm ra một chữ ngắn gọn hầu mô tả cảm nghĩ của mình... trong óc bất chợt bật ra hai chữ “lửa ngông”!

Nhưng vào đầu một bài viết nêu “ý kiến về một cuốn sách” mà đưa ra hai chữ cộc lốc như thế hẳn không khỏi làm cho người đọc ngỡ ngàng, có khi còn bị cho là “hồ đồ”! Vậy xin quý độc giả hãy kiên nhẫn, cho tôi thêm ít phút nữa để tôi tuàn tạt chứng minh điều tôi nói.

Trước hết có lẽ đây là cuốn sách gom góp những bài mà tác giả ưng ý nhất. Tuyển Tập mà! Một phần không nhỏ là thơ tình yêu. Tình với đàn bà, phụ nữ mà anh không giấu giếm: “*không có đàn bà không có thi sĩ / không có người tình, thơ chết rập tắt thở*” (trang 38), và như trong bài “Thi sĩ và Đàn bà”: “*Nếu trên thế gian này không có người đàn bà / Bọn tui khó sống.*” Rồi lại khuyến cáo ngay trong cùng bài: “*Chỉ nên làm tình nhân của thi sĩ / Chớ lảng cháng mà làm vợ.*” (!) (trang 245-247). Điều này đã dự báo một “loại” thơ đại lãng mạn của một thi sĩ đa tình đến mức... siêu!

Cái đa tình của Lê Mai Lĩnh cũng đã giúp anh thông cảm sâu xa với một nhà thơ

đa tình khác là Du Tử Lê mà anh gọi là “Vị hoàng đế hay tên nô lệ tình yêu” (trang 322-329). Tình yêu của Lê Mai Lĩnh còn lai láng sang cả vợ của các bạn (Phan Văn Hậu, Lê Viết Lào...), nghĩa là đã mấp mé ở “chỗ thế gian không thể hiểu!”

Song công bằng mà nói, “tình yêu” Lê Mai Lĩnh không chỉ giới hạn trong liên hệ trai - gái, đàn ông - đàn bà mà anh cũng dành một tình yêu nồng nàn cho quê hương, cho con người, cho dân tộc... ta có thể thấy bằng bạc khắp cuốn sách. “Tình bạn” đối với anh cũng sâu đậm và trường tồn lắm, và nó còn lây lan ra cả đến học trò của thầy! Nó không chỉ chung chung trong thơ văn, mà anh còn đưa ra những tên tuổi rất cụ thể. Nhờ vậy ta biết được đến những bạn trai, bạn gái từ thời học trung học. Nhờ vậy ta được biết về những tên tuổi của các văn thi sĩ miền Trung, mà có người, tiếc thay, ra đi rất sớm như Y Uyên, có tới bốn tác phẩm trước khi chết ở tuổi 26, hay Thạch Nhân Trần Đình Bé. Lại cũng nhờ vậy mà ta biết được đến những bạn văn nghệ mà anh rất trân quý cùng những sinh hoạt của họ nhằm giữ gìn tiếng mẹ đẻ được trường tồn nơi quê hương thứ hai--không chỉ trường tồn mà còn được phát huy như trong bài anh trả lời nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc khi anh Quốc tỏ ra bi quan về văn học VN hải ngoại. Giờ đây, những người bạn đó đã thành những tên tuổi mà không chỉ văn học hải ngoại phải ghi tên mà, theo tôi nghĩ, văn

học Việt Nam nói chung cũng sẽ phải ghi đậm trong văn học sử như những Trần Trung Đạo, Phan Xuân Sinh, Trần Hoài Thư, Lâm Chương, Trần Doãn Nho, Huy Phương, Hà Kỳ Lam, Hoàng Ngọc Liên, Bùi Văn Phú và còn nhiều nhiều nữa...

Song "lửa" có lẽ mới là cái chất văn, chất thơ bùng bùng trong *Tuyển Tập Lê Mai Lĩnh*. Tôi đang nghĩ đến những bài như "Trịnh Công Sơn, thảm kịch của một thiên tài" (trang 130-163), "Trần Hoài Thư, Tên Cowboy Hai Súng," người gần như đơn thương độc mã, miệt mài (bên cạnh một Viên Linh với tờ *Khởi Hành* bộ mới) níu lại gia tài thơ văn của Miền Nam (trang 291-300), "Trần Trung Đạo, Nhà Thơ Của Quê Hương" (trang 301-307), "Thái Tú Hạp, Hạt Bụi Này Ở Lại" với thơ Phật giáo (trang 308-318) và nhất là bài "Nguyễn Bắc Sơn, Chút Tình Mang Theo Xuống Mộ Chí" (trang 330-343), người mà anh đánh giá, cùng với Trịnh Công Sơn, "CẢ HAI ÔNG ĐỀU LÀ THIÊN TÀI CỦA VĂN HỌC VIỆT NAM."

"Lửa" trong Lê Mai Lĩnh đã không ngừng ở đó. Nó còn bùng lên mạnh hơn trong các nhà tù cộng sản. Điển hình là hai bài về "Nguyễn Trãi":

....

*"Hơn sáu trăm năm từ Nguyễn Trãi rồi
Mà con quốc biến vẫn còn thôi
Con đố, dân đen, đau đời quần quai
căm giận, bầm gan, tím cả môi."
(Nguyễn Trãi I, trang 54)*

....

*"Đã nhiều năm rồi ta đứng ngồi nhiều bận
"Sục sôi trong ta một niềm căm giận
Nghĩ đến đường ra, đường đến, đường đi
Ta nghe những tiếng tim đời thổn thức
Và trái tim ta như cũng muốn nổ tung*

Ức Trai! Ức Trai!

Ánh sao khuê soi đường hậu thế

(Nguyễn Trãi II, trang 56)

Và các bài thơ tù khác từ trang 175 đến 205. Gần gũi hơn nữa là những bài thơ làm ở tuổi 72, cảm hứng từ "cuộc 'Cách Mạng Dù' của tuổi trẻ Hồng Kông" (trang 249-269) cũng có rất nhiều lửa để có thể làm cho ta ấm lòng, tin tưởng đến một ngày về trong vinh quang, dân chủ và nhân quyền.

Nhưng "lửa ngông" mà tôi muốn nói đến thì ta có thể tìm thấy ở những bài như từ trại học tập anh gởi thư cho Lê Duẩn đòi đổi thay cách trị nước (trang 57-59), hay thư cho Lê Khả Phiêu với lời lẽ xách mé được nhắc đi nhắc lại "Tôi xin thông báo cho ông biết... " rồi đòi dạy cho Lê Khả Phiêu để trở thành một Gorbachev (trang 59-70) hầu làm tổng thống tương lai của một nước VN nhân quyền, tự do và dân chủ--một giấc mơ mà anh cũng như tất cả chúng ta thừa biết là không bao giờ có thể thành hiện thực! Nhưng có lẽ "là thi sĩ," ta phải nên cho Lê Văn Chính/Lê Mai Lĩnh quyền "bay bổng" một chút... hay thậm chí, còn phải "tha bổng" cho anh nhiều chuyện nữa, là vì, phạm là "lửa" thì bao giờ cũng có cái rui ro "cháy!" Lửa theo nghĩa đen, nghĩa bóng hay nghĩa gì gì thì cũng có thể "cháy!" Nếu người "nhóm lửa" không biết không chế lửa thì có ngày "cháy tay" và nhiều khi có thể cháy nhà, cháy xóm, cháy làng, cháy rừng... hay còn cháy nhiều thứ nữa...!

Tôi không dám cho là mình thực sự quen biết nhà văn, nhà thơ Lê Mai Lĩnh ngoài đời, cho nên tôi không chịu trách nhiệm về việc "chấn mạch" anh đúng hay sai! Nếu như người ta thường nói "văn là người," thì tôi chỉ nói cái gì mà thơ và văn của anh nó "tự thú" mà thôi!

Cái “ngông” ở Lê Mai Linh còn đi xa hơn khi anh “ngông” cả với chính mình! Có lẽ cái “dễ thương” ở Lê Mai Linh là ở chỗ đó! Trong tác phẩm, có hơn một lần anh nhắc đến cái hỗn danh mà thiên hạ gán cho anh: “Tên du đảng văn nghệ hải ngoại” (sic, trang 42). Anh “ngông” cả với chính mình khi mà anh có can đảm kể ra những chuyện tiêu cực trong đời như “Thi hồng tú tài II vì phạm trường quy. Tôi giấu tài liệu Lý/Hóa dưới tờ giấy, bị giám thị phát hiện” (trang 28). Anh biết xấu hổ khi cư xử không phải với bạn Trần Gia Toán, anh tự sỉ vả mình: “Tôi thấy mình hèn mọn, nhỏ nhoi, ti tiện, bủn xỉn, xấu xa, nói chung, tôi thấy mình đã mất tính người” (trang 113). Cũng như ở trang 293, khi anh đọc văn Trần Hoài Thư có đoạn viết: “Từ một ngôi trường Đại Học, với người bạn Trung quốc từ chối ở lại Mỹ để trở về cùng Thiên An Môn...,” Lê Mai Linh bật khóc: “Vâng, từ một ngôi trường Đại Học, với người bạn Trung quốc từ chối ở lại Mỹ để trở về cùng Thiên An Môn. Còn tôi thì sao? Lê Mai Linh. Còn mày thì sao? Bao giờ thì mày từ chối ở lại Mỹ để trở về cùng Thiên An Môn Sài Gòn, Thiên An Môn Hà Nội. Trong thơ mày, mày đã viết: ‘Cúi đã có nhân dân, lửa đã có đồng bào. Hãy thấp sáng lên một thời quật khởi’ Thi tại sao mày chưa về để cùng nhân dân, chiến hữu của mày làm nên điều đó, một Thiên An Môn Việt nam. Đồ chó chết. Đồ hèn. Đồ Lê Mai Linh. Hấn (Trần Hoài Thư) đã làm tôi khóc và tôi nguyện rửa tôi.” Anh thú nhận: “Năm 1990 Quán Bên Đường phá sản vì tôi, vì mê gái và nhậu” (trang 114). Anh cũng lại biết tự trào làm cho độc giả cười: “Tôi chỉ biết tôi nghèo và học dốt. Vì tài sản nghèo và học dốt làm sao tôi dám mơ tưởng ‘đá lông nheo’ với

hoa khô, nói chi là cận kề, ‘theo Ngọ,’ lẻo đẻo.” (Trang 51)

Và cuối cùng tôi cho cử chỉ anh hùng hơn cả anh hùng xung trận đánh giặc, ở Lê Mai Linh là, đối với một người mà anh mê, trong khi “người ấy” chỉ đáp lại tình anh như chị thương em, mẹ thương con. Anh dám thú nhận điều đó, không vợ vào, không thậm xưng... dù như người ấy đã không còn ở cõi đời này để mà tự biện hộ: “*Nay, cấp lãnh đạo của tôi một thời lừng lẫy Nha Trang Cao Thị Đồng Phước, đã qua đời. Khi còn sống nàng rất thương tôi, nhưng không yêu tôi đâu, dầu có nhiều lần hôn lên mái tóc tôi, như chị hôn em, như mẹ hôn con, chứ không bao giờ như người tình hôn người tình*” (trang 47). Thật là một “liều thuốc đắng” không dễ gì nuốt được trừ ra người nuốt, hoặc là “anh hùng”, hoặc là... “ngông”, hay có thể là cả hai!

Bây giờ tôi mới hiểu một chuyện làm tôi cứ suy nghĩ mãi mấy năm nay. Số là trong một buổi sinh hoạt văn học do Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm tổ chức tại Hoa Thịnh Đốn vào tháng 7 năm 2012, nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc, một trong hai diễn giả chính, bị nhà văn Lê Mai Linh chất vấn ngay trong một hội trường đông đảo quan khách, mà anh Quốc chỉ... cười hiền. Bữa đó tôi nhớ sau khi nhà văn Lê Mai Linh nói cho “đã” rồi, anh nói câu cuối cùng rất “ngông”, đại khái: “...*tôi truy lùng ông từ 10 năm nay, bây giờ tôi gặp ông ở đây, tôi nói hết rồi thì tôi tha cho ông...*” Và nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc cũng vui vẻ: “*Vâng! Cám ơn ông đã tha cho tôi!*”--Lại thêm một “anh hùng” nữa!-- Cử tọa cười vang, vỗ tay tán thưởng hai “hiệp sĩ văn nghệ”! “Thế là hết!” Thế là “huê”! Tôi mừng tượng, một số “nạn nhân” khác của

anh (danh sách nơi trang 42), nếu có dịp “chạm súng” tương tự với anh thì chắc cũng lại “huề” như vậy thôi. Chắc chắn là như vậy! Nếu không thì làm sao Lê Mai Lĩnh có thể còn “dong chơi trên cõi đời này” với nhiều ân oán giang hồ đến thế!

Nhưng phải nói người mà tôi bái phục nhất là chị Lê Mai Lĩnh, khuê danh Bùi thị Phương Đông, người vợ hiền hòa thông cảm cho chồng nổi lại tình xưa với một góa phụ, một người đẹp mà anh từng “thầm yêu trộm nhớ” (?) từ gần nửa thế kỷ trước, ngày nàng còn là hoa khôi ở trung học Nguyễn Hoàng, Quảng Trị, dù như sự liên hệ ngày nay chỉ là thứ tình văn nghệ! Có thể anh mới có “yên sĩ phi lí thuần” mà làm ra tới 250 bài thơ trong một thời gian kỷ lục (10 tháng) cho nàng "góa phụ vui vẻ" ("la veuve joyeuse, the merry widow") ấy. Cũng nhờ đó mà ta được đọc 10 bài (trang 222-248), đem lại một cái "nốt" tươi mát cho thơ tình Việt Nam hôm nay!

Câu nói: “Đằng sau một người đàn ông thành công, bao giờ cũng có một người đàn bà vĩ đại” thật đúng quá trong trường hợp này!

Xin có lời mừng nhà văn, nhà thơ Lê Mai Lĩnh!

Chú Thích:

Lửa Tam Muội tiếng Tây Tạng là Toumo, có nghĩa là nhiệt, song đây không phải là thứ nhiệt thông thường, mà là Tâm Nhiệt (psychicheat).

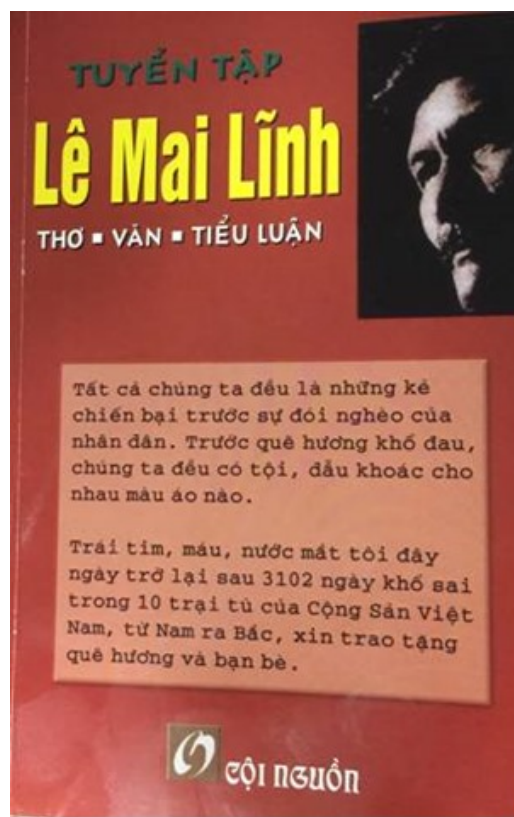
Trong phép tu tiên của các đạo gia Trung Hoa cũng nói đến lửa Tam Muội. Trong sách Chân Tiên Bí Truyền Hỏa Hậu Pháp có viết:

- Tâm là quân hỏa, nên gọi là thượng muội

- Thân là thần hỏa nên gọi là trung muội
- Bàn quang là dân hỏa nên gọi là hạ muội
- Tam khí tụ nên sinh ra lửa gọi là lửa

Tam Muội.

- Theo lời giáo huấn bí truyền của các minh sư Ấn Độ và Tây Tạng thì lửa Tam Muội (Toumo) rút ra từ Prana, Prana là cái bình vô tận của thiên nhiên để nạp vào cơ thể, để từ đó biến thành một thứ năng lượng tinh tế, sản xuất ra một thứ tâm nhiệt thần diệu, chuyển vận để sưởi ấm toàn thân. Ở mức tu tập cao có thể phát ra ngọn lửa. (Trích cư sĩ Nguyễn Mộng Khôi.)



Bài Thơ Gửi Vào Hư Không

Ly cà phê trước mặt
dành cho người học trò bỏ thầy ra đi
không một lời từ tạ
Ly cà phê trong tay
dành cho người thầy ngồi lại
gặm nhấm nỗi buồn lẻ loi khi người học
trò bỏ đi mang theo cả hồn người thầy
thi sĩ

Bài thơ này gửi vào hư không vì tự nay
không còn ai người đọc mỗi sáng mai
trước tách cà phê đầu ngày.

Cũng là chuyện bình thường với cuộc
bể d â u đời

Cũng là bình thường khi lòng người có
có không không

tùy duyên tùy phận.

Cũng là chuyện bình thường khi tình là
muôn mặt, sấp, ngửa, trắng, đen.

Nên bài thơ này, mặc dù thi sĩ biết làm
ra không ai cần đọc

Những thi sĩ vẫn làm ra

Như một kiếp tầm

Như thi sĩ vẫn yêu, dù ai đó không cần yêu

Như thi sĩ vẫn yêu như thi sĩ vẫn thờ..

Ly cà phê dù đắng thêm hay ngọt đi
một chút
cũng vẫn là vô nghĩa khi người uống đã
bỏ đi, mặc cho ly cà phê bốc khói vào
hư vô.

Những dấu gì bài thơ vẫn còn lại với
những kỷ niệm chưa phai pha
Hãy uống đi thi sĩ, ly cà phê đầu ngày
dầu uống một mình

Nhưng vẫn cứ để dành ly cà phê trước
mặt cho người học trò
Biết đâu có lúc nàng trở lại
như một lô độc đắc không bao giờ biết
trước giờ xổ số.

Rồi mọi điều sẽ tới

Rồi lộc trời sẽ tới

Trăng vẫn vàng vạc đêm thâu

Trăng vẫn là trăng muôn thuở.

Ly cà phê trước mặt

Ly cà phê trong tay

Bài thơ gửi vào hư không

người ra đi, người ngồi lại

Rồi cũng xong một kiếp

Rồi cũng hết một đời

Cũng đành

Vậy thôi.

Lê Mai Lĩnh

(Pittsburg, PA)



DÒNG TÓC BÊN ĐỜI

Đỗ Bình

Làn khói thuốc từ chiếc ống pipe lan tỏa trên khuôn mặt đã hằn những nếp thời gian của nhà văn Thanh Lê tạo thêm nét nghệ sĩ. Sợi khói ngừng lại khoảnh khắc biến ảo vào khoảng không tạo thành nhiều hình trừu tượng rồi loảng bay có sợi len vào mái tóc ngả màu sương. Mang tâm hồn đa cảm nghệ sĩ tính nhưng ông lại hành nghề cầm ống nghe ống chích để nuôi nghiệp văn chương nên viết tiểu thuyết điếm tình với văn phong thật bay bướm lá lướt. Các nhân vật trong truyện được dàn dựng đầy kịch tính, sướt mướt, thế nhưng ở ngoài đời ông lại lặn lội về đường tình ái do đó vẫn độc thân! Hồi còn trẻ ông rất đào hoa, là một y sĩ giỏi, một người lính gan dạ từng xông pha nơi chiến trường. Thuở đó ông rất tự tin, hơi chủ quan ý nhà giàu lại thành đạt thêm tính ham vui nên không thích lập gia đình sớm. Đến khi miền Nam mất ông đâm ra thất vọng, chẳng còn thiết gì nữa đành nhắm mắt buông xuôi theo vận nước đầy đưa, do đó ông cùng chung số phận với bao chiến hữu khác xách gói vào nhà tù! Một hôm ông nói với mấy người bạn tù:

« -Bọn lưu manh chính trị đã thành công trong việc khai thác lòng thành của những kẻ say mê 'tà thuyết' để dẫn lên xương máu của người dân vô tội ! Bạo lực dù có mạnh đến đâu thì cũng chỉ chiếm được đất chứ nào chinh phục được lòng người ? Ở một đất nước mà những người giỏi đều bị bắt nhốt tù hết thì làm sao đất nước đó phát triển ?!»

Ở tù được một thời gian không lâu, vì nhu cầu thiếu chuyên viên kỹ thuật nhà nước Cộng Sản buộc lòng phải thả một số ít chuyên viên kỹ thuật về sớm. Đốc tờ Thanh Lê thuộc diện này, nhưng tính ông rất thẳng lại phải nghe những điều trái tai giảng dạy từ cán bộ quản giáo nên ông thường hay lên tiếng « sửa sai» chỉnh lại những lời của quản giáo, điều đó đã khiến ông bị ghép tội chống đối, châm biếm chế độ, bởi thế ông bị nướng gần chục cuốn lịch và đã trải qua nhiều trại tù từ nam ra bắc. Khi được thả, ông vượt biên mà không chờ đi theo diện H.O sang Mỹ. Ông thích đi Pháp vì ngày trước ông đã học y khoa bên này, hơn nữa trong lòng ông vẫn còn mối hận đời với một số ít chính khách Mỹ, vì quyền lợi riêng tư đã phản bội quân đội Việt Nam Cộng Hòa, những người bạn từng sát cánh với người Mỹ chiến đấu vì lý tưởng tự do. Ông nghĩ : *«Trên giải đất quê hương Việt Nam người Mỹ đã đổ quá nhiều xương máu. Họ đến mang theo niềm tin khơi mở cho sự tự do, như một tia sáng lóe lên trong đêm tối... rồi tắt ngấm ! Bỏ lại sau lưng một vực thẳm, một bầu trời đêm đen !....., Họ ra đi nhưng nơi đó vẫn còn những vết hằn sâu kín, những nỗi niềm ủ dột khiến những dòng nước mắt chảy mãi chưa khô ! ».*

Thuở mới học xong, về nước ông có yêu đắm đuối một người con gái và cùng nàng thề non hẹn bể, nhưng bố mẹ của nàng ham giàu muốn gả nàng cho một thương gia khá tuổi, trí thức gốc Chợ Lớn. Nàng đau khổ muốn cự tuyệt cuộc hôn nhân này nên chạy đến tìm chàng mong cùng chàng thoát ly gia đình tìm phương trời xa ẩn náu để hưởng hạnh phúc. Nàng còn trong

ngưỡng cửa gia đình, chưa có kinh nghiệm đời nên cứ tưởng con tim muốn là được ! Nàng nghĩ đơn giản quá ! Đất nước đang lúc mịt mờ khói lửa chiến tranh nàng muốn ẩn náu nơi đâu để sống riêng hạnh phúc? Nhất là danh dự và thể lực bên gia đình người chồng tương lai nào để yên ? Và lại gia đình chàng cũng đâu cho phép cậu con quý cướp vợ của kẻ khác? Cuộc tình đẹp nhưng bỗng tan vỡ một phần cũng lỗi tại chàng cứ dùng dằng chưa muốn lập gia đình vì còn thích bay nhảy, không muốn bị ràng buộc trách nhiệm nên chẳng chịu ngỏ lời xin cầu hôn trước ! Chàng viện dẫn là sắp trưng tập vào lính, đợi ra trường có chỗ ổn định mới nghĩ tới việc lập gia đình.

Biến cố Tết Mậu Thân là động cơ thúc đẩy chàng xin ra làm y sĩ cho một đơn vị tác chiến, mặc dầu đã có lệnh bổ nhiệm chàng về phục vụ tại một Quân Y viện thành phố. Chàng muốn đem chút sở học sẵn có và cứu chữa những thương binh ngoài mặt trận, họ là những người cùng lứa tuổi với chàng đang hiên ngang bước vào cõi chết, xem nhẹ bản thân mình để giữ an lành cho bao kẻ khác, trong số đó có xương máu của rất nhiều bạn bè thời thơ ấu cùng phố, cùng lớp với chàng đã hy sinh để chàng được an nhiên du học Pháp. Chàng không thể vì chút tình riêng mà thiếu trách nhiệm của người trai thời chiến, do đó chàng đã thành khẩn xin nàng thông cảm mà chờ đợi... Nàng đã hứa nhưng do áp lực của gia đình quá mạnh, bố mẹ nàng đã nhận quá nhiều ân huệ của phía họ, vì chữ hiếu nàng đã bóp nát trái tim mình mà đành phụ tình chàng!

Ngày nàng lên xe hoa, chàng hoàn toàn không hay biết; chính thời điểm đó chàng đang hành quân ở Khe Sanh. Ở đây nổi chết vờn quanh, mặt trận đang khốc liệt,

đơn vị chàng ngày đêm chịu hàng ngàn trái pháo đủ loại trên ngọn đồi không cao quá 1000 mét. Đạn pháo rất quá khiến trực thăng tải thương không xuống được bãi đáp, xác những người lính gói trong poncho bày la liệt, mùi tử khí nồng nặc ! Rừng đêm sương xuống càng giá lạnh, gió núi thổi rì rào nghe náo nê. Thịnh thoảng những trái pháo rớt gàn xé màn đêm, chớp sáng loáng trên những chiếc poncho chập chờn như những oan hồn ẩn hiện. Nhiều lúc tiếng mảnh pháo rớt cạnh sườn núi nghe rợn người, tuy có mồi mệ nhưng chàng không nao núng dù chàng đã không ngủ mấy ngày liền vì phải lo cho những thương binh. Sáng nay, tiếng súng tạm ngưng vì đêm qua địch đã bị đẩy lùi. Chàng thầm nghĩ: *«Thế là mình còn sống thêm một ngày sau những tuần lễ mưa pháo đạn hãi hùng... mình có thể lấy phép thường niên về Sài Gòn đưa em dạo phố...»*. Chàng bước ra ngoài hầm trú ẩn, hít một hơi thật mạnh, bỗng chàng dừng lại ở phía giao thông hào... những xác binh sĩ vừa chết trận đêm qua chưa kịp gói đang co quắp. Chàng thở dài than thầm: *«Chẳng biết đến bao giờ cuộc chiến này mới chấm dứt?... Ở đây nổi chết rình rập vờn quanh. Chiến trường quả là mồ chôn các chiến sĩ ! Ôi, chiến thắng nào mà không có máu và nước mắt !»*.

Chàng nhớ lại những ngày ở Pháp sắp về nước: "Hồi đó phong trào phản chiến khắp nơi đang âm ỉ sắp bùng lên. Những người hô hào đòi phản chiến họ chẳng biết gì về chiến tranh, họ chạy theo mode làm ra người trí thức đòi quyền sống cho nhân sinh. Họ là những người đã bị chủ nghĩa Cộng Sản làm mê hoặc qua nhãn hiệu "hòa bình," nhưng thật ra họ sợ chiến tranh tước đoạt đi những quyền lợi của bản thân, họ không

muốn hy sinh dù nhân danh bất cứ thứ gì. Nếu tất cả người Mỹ, người Pháp đều phản chiến như họ thì ngày nay nước Mỹ vẫn chưa có độc lập và nước Pháp vẫn trong vòng kèm tỏa của Đức Quốc Xã ?". Tiến về phía hàng rào nơi anh em lính đang chuyên những xác của đồng đội mà lòng chàng trào dâng tê tái, và thầm nghĩ: *«Phải chăng chiến tranh là sự chém giết lẫn nhau của những người không quen biết để cho những người đã từng quen biết nhau đang ngồi chiếc ghế lãnh đạo ở Sài Gòn, Hà Nội hưởng lợi? Trước hiềm họa của Cộng Sản thì dù cho có phải mất mát, hy sinh hơn. Cuộc chiến một mất một còn với Cộng Sản trong lúc này là cần thiết và chính đáng, chàng bằng lòng làm kẻ hy sinh cho lý tưởng tự do, chứ không phải vì những người ấy!».*

Những chiếc trực thăng tải thương xuống tấp nập, trong đó có những thực phẩm, quần trang, đạn dược và thư tín. Người lính mang đến cho chàng một xấp báo chí và mấy lá thư. Chàng vui sướng khi nhận được thư nhà và mở ra. Nhìn những hàng chữ trên thiệp hồng, chàng thấy choáng váng và buột miệng than: *«Trời ơi, nàng đã đi lấy chồng!»*

Chàng đau khổ, hồn thờ thẩn! Ý định nghỉ phép về Sài Gòn vụt mất!... Từ đó chàng trở nên ít nói, ít cười và buông thả đời mình theo số mệnh. Mỗi lần về phép Sài Gòn chàng thường mượn men rượu, khói thuốc và đàn bà để quên tình! Trong men say, chàng nói với bạn bè:

-«Đàn bà thì người nào thể thốt cũng hay cả... nhưng chẳng ai chung tình? Họ chỉ biết... tiền thôi!».

Chàng cười ngật nghêu rồi gục trên vai người bạn, thiếp đi.

Rời biển cổ tháng tư năm 1975 xuống Miền Nam và đã cướp của chàng tất cả, trong đó có cuộc tình sầu!

Sau khi tù ra, chàng vượt biên đến Pháp tị nạn. Nhờ bạn bè cũ, chàng biết tin nàng đã cùng gia đình di tản sang Hồng Kông trước năm 75 và đang định cư ở Canada. Nàng vẫn sống với gia đình, chồng nàng tuổi đã cao nhưng vẫn trông coi một hiệu buôn lớn, còn hai đứa con nàng đã thành tài. Mãi đến mấy năm sau nàng mới biết tin chàng ở Pháp, nàng đáp máy bay qua thăm chàng. Chiều Paris nắng không đủ ấm da thỉnh thoảng có cơn gió se lạnh! Con đường hẹn hò trở nên thơ mộng hơn ngày thường, lá thu rơi đầy lối đi như lát vàng làm ấm mối tình xưa. Gặp nhau mắt nàng đắm lệ, nàng ngây ngất như đang sống lại thuở tình với năm xưa. Nàng thổ thề:

-«Xin anh tha lỗi cho em..., suốt mấy chục năm nay em sống như kẻ mất hồn!... Em sống chỉ vì con. Tâm hồn em đã rời theo anh từ dạo đó... Chồng em biết nhưng không hề can dự đến chuyện riêng tư của em... và em vẫn giữ trọn đạo làm vợ, làm mẹ cho đến ngày nay!»

Chàng nhìn nàng triu mến nói:

-«Anh nào dám trách em!... Chuyện ngày đó chúng mình dang dở, nếu có trách... là trách anh... Tại anh lúc đó chưa có ý thức sâu xa về hạnh phúc!»

Mắt đắm lệ, nàng hỏi:

-«Chắc bây giờ anh hiểu thế nào là hạnh phúc?!»

Chàng ngược lên bầu trời, nhìn những áng mây bay ở cuối chân trời, ánh mắt chàng xa vời nói:

-«Bây giờ không những anh hiểu... mà còn thấm em ạ! Em xem đám mây trắng lơ lửng cuối trời, nó đẹp quá em nhỉ? Hạnh

phúc thì cũng chỉ là áng mây, thứ điểm trang cho bầu trời, nó muôn sắc, bồng bềnh sương khói thật... rồi một thoáng cũng tan biến !»

Nàng rầu mặt buồn bã hỏi:

-«Mấy chục năm gặp lại, anh có vẻ bi quan quá ?!»

Chàng nhún vai trả lời:

-« Chẳng phải bi quan đâu em ! Đây chỉ là kinh nghiệm sống mà anh đã trải qua... chiến tranh, tù đầy và biệt xứ đã dạy anh hiểu thế nào là chân giá trị của sự hạnh phúc ! Có bao giờ em nghĩ hạnh phúc chỉ là niềm mơ ước ? Anh đã từng ôm những ước mơ lớn nhưng chỉ là giấc mơ hư ! Và có những ước mơ nhỏ nhoi dù đó là ước mơ ăn được củ khoai nóng những lúc đói khát trong tù ?»

Nàng nhìn chàng thương xót, nàng nghĩ:
«Có lẽ những năm tù đầy khốn khổ đã cướp mất tính hồn nhiên yêu đời của chàng?!»

Mắt nàng tha thiết nói :

-« Em muốn giúp anh một số vốn để anh dời phòng mạch về trung tâm người Á Châu?»

Chàng chua chát cười :

-« Xin cảm ơn lòng tốt của em. Tình yêu là thứ cao quý nhất mà anh chẳng giữ được, tiền bạc cho lắm xuôi tay cũng thành sương khói?! Và lại anh chỉ là thầy thuốc của các bệnh nhân, chứ đâu là bác sĩ chỉ đặc biệt dành riêng cho người nào, dù là Á Châu hay Âu Mỹ !»

Biết mình lỡ lời, nhưng nàng vẫn cảm thấy nghèn nghẹn vì lòng tốt của mình đã bị hiểu lầm nên nàng cố dẫn tự ái ...và chuyển câu chuyện. Nàng không muốn bao năm chờ đợi, giờ tìm được nhau để rồi sẽ vĩnh viễn mất nhau !:

-« Em dạo này già rồi nên nói năng vô duyên ! Nhiều lúc còn hay quên nữa !»

Chàng ngấm nàng ánh mắt triu mến, và tha thiết nói:

-« Không phải thế đâu em ! Giọng em còn trong, thanh âm ngọt ngào... và nhất là em còn trẻ đẹp lắm !... Nhan sắc này vẫn còn quyến rũ với đời cỡ mười, mười lăm năm nữa !»

Như một phép lạ, nàng bỗng cảm mình trở lại tuổi đôi mươi, tâm hồn đầy hưng phấn, sự ám áp của tình yêu thuở ban đầu. Những giọt nước mắt sung sướng đã trào ra, nàng khép vội bờ mi nhưng nước mắt vẫn ứa đầy ! Nàng yên lặng tận hưởng khoảnh khắc hạnh phúc mà tưởng chừng không bao giờ gặp lại cái giây phút mà nàng đã đợi chờ suốt mấy chục năm. Nàng biết thời gian vẫn chưa làm dung nhan nàng phai tàn, nhưng lại không tự tin khi đứng trước chàng ! Nàng rất hồi hộp và lo sợ, sợ khi gặp lại chàng sẽ chê già. Nàng run run thỏ thẻ:

-«Em... vẫn còn... yêu anh !»

Chàng cảm thấy đôi mắt cay, nhưng cố nén xúc động và giữ khoảng cách:

-«Anh cũng thế!»

Nàng quá xúc động bật khóc nức nở :

-«Tại sao anh không lập gia đình ?»

Chàng thở dài trầm giọng :

-«Trái tim anh một nửa cho quê hương và một nửa cho em, tất cả đã xa khỏi tầm tay thì anh còn thiết tha gì nữa mà lập gia đình ?!»

Hàng cây bên đường hình như thấu cảm cho mối tình ngang trái nên khẽ reo lên trong gió và buông đầy lá vàng. Nàng nức nở khóc và ngã vào cánh tay chàng. Nàng khóc ướt đầm vạt áo chàng, nàng ôm chặt chàng và quên mất ngoại cảnh. Chàng cứ để cho nàng khóc... Khóc cho bỏ nhớ nhung, cho cuộc tình vui đi những muộn phiền đã chồng chất tháng ngày !

Chàng ôm chặt nàng như sợ mất, và trầm nghĩ:

-«Tình ơi ta vì em và yêu em, ta không muốn em lầm lỗi đánh mất sự tinh khiết!»

Chàng không muốn mình trở thành kẻ phạm tội làm khổ đời nàng thêm một lần nữa nên mạnh dạn buông nàng ra khỏi cánh tay và trân trọng tha thiết nói:

-«Anh biết suốt mấy chục năm em âm thầm đau khổ, nhưng em vẫn là người vợ tốt, người mẹ hiền. Anh hy vọng rằng em cứ giữ mãi đạo nghĩa đó. ...Tâm lòng của em dành cho anh,...anh xin ghi khắc. Và dù mai này ở bất cứ phương trời nào anh vẫn nhớ em, xin em hãy giữ lại cuộc tình, và trân trọng nó để tình ta mãi đẹp như bài thơ anh đã viết tặng em ! »

Nàng như tỉnh giấc mơ vội lau nước mắt, môi nhón nụ cười buồn:

-«Biết được lòng anh, em cảm thấy tình yêu của mình đây ý nghĩa... đâu cần phải sống chung mới là hạnh phúc...Em đã hiểu được cái hạnh phúc đích thực trong ý nghĩ anh....Dù anh chỉ cho em có nửa trái tim, còn em cho anh cả tâm hồn nhưng cả hai chúng ta đều chung một hạnh phúc !»

Hai người nắm chặt tay nhau đồng cười to lên vì đã hòa tâm ý, và từ đó họ không còn gặp nhau nữa nhưng tình vẫn bên nhau./.

Đỗ Bình

(Paris)



HOA HƯƠNG DƯƠNG của NGUYỄN HUY LINH

TRỜI ĐẤT và HƯ KHÔNG

Duyên lành từ độ dòng trăng
Mà lòng tan tác bể bàng thuyền anh
Vi đâu sóng dập mù câm
Vi đâu sông cạn gọi thầm đau thương?

Ai người vỡ lệ yêu đương
Ai người xoá hết mùi hương sâu hần?
Dòng đời lặng lẽ vô tâm
Xa xôi vì nổi in hần vết môi..

Em là hình, bóng là tôi
Xuyên xao lên tiếng tình khi còn chờ
Lòng tha thiết chuỗi ngày mơ
Dòng trăng vẫn sáng giữa bờ tương tự..

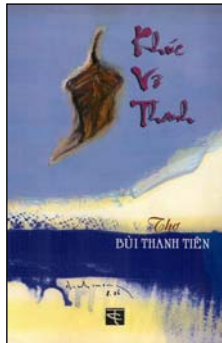
Em tôi bé bỏng, hình như
Tình yêu chợt đến.. già từ bến xưa
Nửa đường hoa mộng đong đưa
Dấu môi còn ngọt mà.. thừa thớt lòng!..

Giữa trời đất và hư không
Thời gian là nổi rêu rong một đời...

VA, ngày 20 tháng 4, 2015

Bùi Thanh Tiên

(tặng o)



SỐ 71

VỤN VẬT ĐỜI THƯỜNG

Sáng đọc tin quê nhà đổi mới
Vẫn Đông Tây đụng chạm liên hồi
Lo non sông vương vòng nô dịch
Mắt mẹ buồn hồ lệ chẳng với

Ngày bó gói trông bày cá lội
Mấy bông hoa đã chóng tàn rồi
Buồn lên mạng thấy tên bằng hữu
Sạch nợ đời an giấc nghỉ ngơi

Đêm ngủ mơ nghe bom pháo dội
Đường Trường Sơn rải rắc xương phơi
Mẹ cô đơn thần thờ bên suối
Kiếm xác con leo máy núi đồi

Đất Bắc Mỹ ngày qua rất vội
Đông chưa tàn tuyết phủ nơi nơi
Quê hương giờ chứa xuân đang lại
Có bướm bay, mai nở đẹp trời

Được ở nhờ - chùa bà cả đời
Tết tha hương vắng bạn thăm chơi
Hòm thư tin chán không thêm mở
Đáo hạn rồi lo nợ gấp đôi

Lại giờ chứng xe tăng lấm tội
Mấy khi không tắt ở lẩn vô
Cạn tiền rồi hết đường tu bổ
Bãi rác hoang đem bỏ xế tời

Chuyện thế gian hoài công nghĩ ngợi
Dầu buồn hiu cũng nhếch môi cười
Nghe thân xác báo hồi suy yếu
Trượt dốc đời e bỏ cuộc thôi

Ước lúc chết hồn nương gió lộng
Như xa chơi chẳng có tấm hơi
Cõi thiên đàng khó lòng bay tới
Hóa đã tràng đùa sóng biển khơi

Lý Hiếu

VA.02/2015

103

CƠN MƯA BẮT CHỢT

TIỂU THU

(Tiếp theo Cỏ Thơm số 70)

...Một tuần lễ đã trôi qua mà Bảo vẫn biệt vô âm tín. Sáng Chúa Nhật Ngọc Châu sửa soạn qua thăm Mỹ Liên, lấy cớ đem cho cô mấy mẫu thêu mới. Mỹ Liên sai người làm ra chợ mua bánh xèo về hai người ăn với nhau. Ngọc Châu nói sao không rủ anh Bảo ăn luôn cho vui thì Mỹ Liên cho hay Bảo qua Long Xuyên chơi mấy hôm rồi vẫn chưa về. Ngọc Châu hỏi thêm:

- Chúa nhật rồi hết hụi xong sao Liên không ghé vườn soài làm tụi này đợi quá chừng. Mỹ Liên mở to mắt:

- Ghé vườn soài? Còn hết hụi gì? Bồ với anh Bảo đi chơi vườn soài hả. Mình có nghe anh nói gì đâu... Ngọc Châu nghe tới đây thì đôi rưng rờ, đũa đang cầm trên tay tự động rớt xuống bàn. Cô há miệng mà nói không nên lời. Thấy mặt bạn bỗng đỏ ra, trắng như tờ giấy Mỹ Liên hỏi hoảng hốt:

- Ngọc Châu, chị bị sao vậy? Khi thấy hai hàng nước mắt sắp trào ra, Mỹ Liên vội lôi tay bạn kéo vô phòng riêng. Ấn bạn ngồi xuống giường, cô hỏi giọng lo lắng:

- Có chuyện gì bồ kể cho mình nghe đi. Anh Bảo đã làm gì bồ?

Mặc cho bạn hỏi, Ngọc Châu chỉ biết khóc mùi mẫn. Đoán được phần nào câu

chuyện nên Mỹ Liên để yên cho Châu khóc. Cô chỉ còn biết ôm vai vỗ về và lau nước mắt cho bạn mà thôi. Một lúc sau giọng lệ hầu như đã cạn, với giọng tức tưởi nghẹn ngào, Ngọc Châu kể hết cho Liên nghe câu chuyện đi chơi vườn soài. Nghe tới khúc Bảo ép Ngọc Châu uống rượu, Mỹ Liên buột miệng:

- Lại cái mững cũ!

Ngọc Châu hỏi vội:

- Bồ nói mững cũ là sao?

Mỹ Liên chép miệng, thở dài ngao ngán:

- Bồ không phải là người đầu tiên bị lọt vô bẫy của anh Bảo đâu. Anh đã dùng cách này nhiều lần rồi. Nói chi xa, năm ngoái ba má tôi đã tốn một món tiền khá bộn cho gia đình một cô gái ở bên Chợ Cái Dầu. Ai đời con người ta mới có mười sáu tuổi. Thằng anh của cổ là dân anh chị. Họ hăm chém anh Bảo nên ông bà già hoảng hồn phải năn nỉ xin bồi thường, rồi chưởi cho một trận tới tay. Anh thề sống thề chết là sẽ chữa. Vậy mà bữa nay lại tái phạm. Thiệt táng tận lương tâm! Thôi bây giờ chị cứ yên tâm về trường, mình đợi anh Bảo về đây sẽ hỏi cho ra lẽ. Có gì mình cho chị hay liền. Ảnh lạng quạng mình sẽ mét ông bà già. Nghe Mỹ Liên nói vậy Ngọc Châu cũng đành từ giả trở về trường. Cứ nghe Mỹ Liên kể thì Bảo chỉ là một tên lưu manh gạt tình đàn bà con gái. Chuyện cưới hỏi chỉ vô vọng mà thôi. Qua mấy đêm trường thức

trắng, mặt mày Ngọc Châu hốc hác đến nỗi ai cũng tưởng cô bị bệnh. Tới ngày thứ ba Mỹ Liên mới qua. Nhìn sắc mặt buồn thảm của bạn, Ngọc Châu biết ngay là tin buồn. Nắm chặt hai bàn tay lạnh ngắt của Châu, Mỹ Liên buồn bã nói:

- Bữa nay anh Bảo đã bỏ đi Sài Gòn. Anh gửi lời xin lỗi chị.

Nuốt ực nổi cay đắng vào lòng, Ngọc Châu gượng cười tuy đôi mắt đã nhòa lệ:

- Cũng tại tôi thôi. Liên đã nhắc nhở mấy lần mà tôi không chịu nghe. Từ đây về sau tôi sẽ cẩn thận hơn không còn nhe dạ như lần này nữa.

Mỹ Liên an ủi bạn vài câu rồi từ giả. Cô sợ nếu ở thêm chắc cô không kềm được sẽ tuôn ra hết những lời lẽ khó nghe của ông anh trời đánh lúc hai người cãi lộn với nhau. Chỉ sợ nghe rồi Ngọc Châu chịu không nổi! Chơi đã đời mấy ngày bên Long Xuyên, vừa ló mặt vô nhà là gặp ngay bộ mặt hầm hầm của em, Bảo biết có chuyện nên cười giả lả:

-Anh đi vắng bộ ở nhà có chuyện gì hả?

Mỹ Liên quắc mắt, gằn giọng :

-Phải, có chuyện động trời! Mà thôi anh đừng có giả mù sa mưa. Ngọc Châu đã kể hết cho em nghe rồi. Tại sao bạn thân của em mà anh cũng không tha???

Bảo nhướn cặp lông mày:

-Tại cổ tự nguyện đi chơi với anh mà. Anh đâu có trói cổ dẫn đi. Bữa đó cổ rất vui vẻ. Tới lúc về cổ cũng có trách gì anh đâu?

Mỹ Liên lắc đầu, thở ra một hơi dài tỏ vẻ chán chường:

- Thôi không thềm cãi với anh nữa. Bây giờ anh tính sao? Không lẽ anh định chơi qua rồi bỏ như những lần trước? Em cảnh cáo anh. Bạn thân của em đó.

- Bạn em rồi sao, Bảo khinh khỉnh hỏi lại, không lẽ bắt anh phải cưới cổ? Nói cho em biết, vợ anh sau này phải con nhà giàu, đẹp lộng lẫy và điều quan trọng là phải trong trắng cho đến ngày lên xe hoa về với anh... Nghe tới đây chường cái lỗ nhĩ quá, Mỹ Liên cười khẩy:

- Thiệt hết thuốc chữa. Cứ cái đà này em chỉ lo anh không còn mạng để cưới cái cô vợ lý tưởng của anh mà thôi! Chưa gì anh đã quên vụ con Lành bên Chợ Cái Dầu rồi. Anh ác quá trước sau gì cũng bị quả báo cho coi. Bây giờ em ra kể hết cho ba má biết chuyện này để ba má liệu mà xử...

Thấy em gái có vẻ quyết liệt, Bảo đâm hoảng vội kéo tay Mỹ Liên lại, xuống giọng năn nỉ:

-Em làm gì dữ vậy. Anh nói thì nói vậy thôi, để từ từ rồi tính. Chuyện đâu còn có đó. Anh hứa không bỏ bạn em đâu.

Mỹ Liên nghe vậy cũng bớt giận:

-Được rồi em không mét, nhưng anh tính gì thì tính lệ lên để em còn cho Ngọc Châu biết tin. Mấy bữa nay chỉ khóc quá trời.

Hởi ơi dò sông dò biển để dò, nào ai đo được lòng người! Sáng sớm hôm sau Bảo lẳng lặng xuống tàu đò, tới chợ Sađéc lên xe đò đông tuốt lên Sài Gòn tá túc nhà cô chị lấy chồng Tàu trong Chợ Lớn. Chỉ để lại bức thư cho ông bà già nói có chuyện gấp lắm. Mỹ Liên bị gạt tức cànंह hông đem

chuyện Bảo lừa Ngọc Châu kể cho cha mẹ nghe. Hai ông bà tá hỏa. Tự trách mình đã cứng chiu thằng con trai duy nhất quá độ nên đâm hư. Giờ hối hận cũng đã quá muộn. Chỉ sợ ác lai ác báo, có ngày nó sẽ gặp chuyện không may. Mà ông Trời có mắt thiêng, sau này cậu ta thân tàn ma dại vì vướng phải bịnh giang mai do một cô vũ nữ trên Sài Gòn thân ái trao cho.

Phần Ngọc Châu buồn quá nên xin nghỉ dạy về Cao Lãnh ở luôn, viện cớ ông già lúc này sức khỏe suy yếu. Sẵn người chị chú bác có tiệm may khá lớn tại chợ Ngọc Châu xin hợp tác. Cô nhận thuê quần áo và dạy học trò luôn, trong số đó có út Hương. Không thiếu người ngắm ghé, muốn xin bàn tay khéo léo của cô về để nâng khăn sửa túi cho họ. Nhưng giờ đây cô nhìn tất cả đàn ông trên cõi đời nầy bằng cặp mắt nghi ngờ và đầy ác cảm. Nơi người nào cô cũng thấy hiện lên con quỷ dâm dục. Dĩ nhiên cô không hề kể cho bất cứ người nào nghe chuyện ô nhục của mình. Ban đầu ai nấy đều khuyên cô lập gia đình, cô chỉ cười nói muốn ở vậy phụng dưỡng cha mẹ già, riết rồi mọi người để cô yên luôn. Cho đến ngày cô trở thành... mỹ nhân cứu anh hùng xã Trung bị say túy lúy thì cô vừa trộm trèm ba mươi cái xuân xanh! Cha cô mất hai năm trước đây. Bây giờ chỉ còn hai mẹ con hủ hủ sớm hôm. Bữa nay Chúa nhựt cô về sớm hơn ngày thường nên mới gặp ông xã say gục trước cửa nhà...

Sau khi uống ly nước chanh đường và lau mặt bằng nước lạnh, xã Trung cảm

thấy khỏe nhiều, đầu óc bớt choáng váng nên đứng lên xin phép ra về. Ngọc Châu nói ông có chắc đạp xe nổi không. Tôi nghe nói sau cơn say tứ chi bủn rủn hết đó.

Xã Trung cười một cách ngượng nghịu:

-Cô yên tâm. Tôi thấy khỏe lắm rồi. Không hiểu bữa nay ông bà gì khiến mà tôi uống nhiều dũ vậy hồng biết. Nếu không có cô chắc giờ này tôi còn nằm ở ngoài đường quá! Thiệt cảm ơn cô và bác gái hết sức. Bây giờ tôi xin phép đi về.

Ngọc Châu nói vài câu xã giao rồi đưa xã Trung ra cửa. Chiếc xe dựng bên hông nhà. Ông xã lên yên xe rồi còn ngoái lại, thấy Ngọc Châu đứng tại cửa nhìn theo thì cười và đưa tay ra dấu giã từ. Cô cũng mỉm cười chào lại. Cô bỗng giật mình tự nói thầm: Kỳ cục chưa. Mọi bữa cô đâu có tỏ ra thân thiện với người đàn ông nào như vậy? Hồng lẽ cô đã thay đổi quan niệm về họ? Họ không còn là con ác thú trong mắt cô?... Bao nhiêu câu hỏi cứ theo làm phiền cô cả lúc lên giường. Cô tự vấn lại lòng và ngạc nhiên biết bao khi thấy sự thù hận trong cô đã tắt từ lúc nào. Sở dĩ trước kia cô từ chối những người đàn ông khác vì vết thương còn quá mới, nỗi đau trong lòng cô chưa thuyên giảm. Rồi thời gian nhanh như vó câu qua cửa sổ, cô đã quá xuân thì. Vướng vào tình cảnh trên không nhìn xuống, dưới không dám ngó lên! Tình cờ bữa nay gặp xã Trung, tuy tình huống có đặc biệt một chút nhưng cô mới có dịp vấn lại lòng mình. Trước kia nhìn xa xa cô thấy ông xã rất đẹp người. Cao lớn nhưng không thô, sau này cô biết nhờ đá banh và

đi xe đạp. Bữa nay cô có dịp nhìn kỹ khi ông còn nằm mê man trên bộ ngựa gỗ... Mái tóc dày cắt ngắn chỉ lấm tấm vài sợi bạc. Chiếc mũi cao trên cặp môi đều đặn. Nước da trắng nhưng r ám nắng tạo cho ông một sắc thái khỏe mạnh. Thoạt nhìn người ta đoán ông chỉ độ ba mươi ngoài. Không biết có phải ai cũng vậy không chớ nhìn ông Trung nằm ngủ, nét mặt ông coi thư thái và hiền lành dễ sợ. Hơn nữa, một người mất vợ đã ba năm mà còn buồn phải mượn rượu giải sầu, đến nỗi say túy lúy càn khôn như vậy chắc không phải là người xấu. Nghĩ tới đây Ngọc Châu bỗng cười tùm tùm một mình rồi từ từ chìm vào giấc ngủ êm ái... Và dĩ nhiên trong giấc mộng đêm đó có hình ảnh một người hùng bị té ngựa... sất!

Xã Trung đạp xe mà đầu óc nghĩ ngợi mông lung. Đã ba năm rồi ông không được bàn tay đàn bà săn sóc. Sự ân cần của cô Châu khiến ông cảm động. Tuy không xinh đẹp như vợ ông lúc sinh thời, nhưng với cặp mắt to tròn hiền dịu và nụ cười nở hoa của cô khiến lòng ông không khỏi xao xuyến... Qua mấy ngày rồi mà đầu óc xã Trung vẫn còn vương vấn một khuôn mặt dễ mến của ai kia. Rồi như định mệnh khiến xui, một hôm qua thăm ông bà Cai tổng, xã Trung gặp út Hương mới đi chợ Cao Lãnh về. Gặp anh cô út tíu tít kể chuyện vừa rồi có gặp cô giáo Châu dưới chợ. Cô bỗng nhìn ông anh chăm chú:

- Cô Châu hỏi lúc này anh khỏe không? Nói em nghe làm sao anh quen cô

Châu. Em biết tánh cổ khó đàn trời. Lúc em học, mấy đứa bạn nói cô Châu rất ghét đàn ông. Cũng không ai hiểu tại sao cổ không chịu lập gia đình. Cô bỗng nhìn ông anh từ đầu tới chân rồi cười cười:

-Em thấy hai người rất xứng đôi!

Ông xã giựt nảy mình:

-Ý, đừng nói bậy bạ. Rủi tới tai cổ phiền lắm. Em quên rằng anh vừa goá vợ, hai con, vừa già hơn cổ nhiều quá. Anh làm sao xứng chớ?

Út Hương cười dòn:

-Cái gì mà già. Anh mới bốn mươi lăm chớ mấy. Cổ ba mươi nè. Đàn bà ba mươi rồi là kể như... lú! Hơn nữa anh còn đẹp... lão dữ lắm! À anh chưa kể tại sao quen cô Châu?

Sau khi nghe xong, út Hương cười đắc thắng:

-Đó anh thấy chưa. Cổ đã săn sóc anh tận tình như vậy lại còn cười duyên với anh nữa thì là dấu hiệu tốt rồi. Biết đâu anh chị có duyên nợ với nhau nên mới khiến anh té ngay trước nhà cổ. Thôi được rồi, anh yên tâm để đó em lo.

Chúa Nhựt sau út Hương thắp tùng ông anh xuống nhà cô giáo Châu làm một màn cảm ơn rất nồng nhiệt. Ông xã đem biếu mẹ con cô cặp vịt xiêm mập tròn và chục cam sành vườn nhà để bác gái tắm bổ. Có út Hương nên hai người cũng bớt ngỡ ngàng lúc đầu. Dần dần câu chuyện trở nên thân tình hơn vì dù sao út Hương cũng học với cô Châu hai năm tròn. Rồi từ đó út Hương chịu khó tới thăm cô giáo cũ của

mình thường hơn. Đôi khi có ông anh đi cùng. Tỉnh thoảng mời lại cô giáo lên nhà ăn cơm. Tức nhiên có sự hiện diện của ông anh quý. Nửa năm sau thì ông anh tới thăm cô giáo thường xuyên hơn cô em gái.

Một hôm ông xã tới sau bữa cơm chiều. Nhằm lúc rằm Trung thu nên ông có đem biếu má con cô Châu hộp bánh nướng. Cô nấu trà mời mẹ và ông xã ăn luôn. Mẹ cô ăn xong cáo lui vô buồng. Còn lại hai người. Thấy ông có vẻ bồn chồn, muốn nói gì đó rồi lại thôi. Mấy ngón tay cứ gõ nhịp trên mặt bàn. Đôi ba lần như vậy, Ngọc Châu lấy làm lạ hỏi:

- Anh Trung có chuyện gì lo nghĩ phải không? Em có giúp được gì không?

Hít một hơi thật dài để lấy can đảm, xã Trung đưa tay nắm bàn tay mềm dịu của Ngọc Châu rồi nói một hơi:

-Có chuyện này tôi muốn nói với Châu từ lâu rồi. Nếu Châu không hài lòng xin cũng đừng giận tôi.

Bị nắm tay thành linh, Ngọc Châu vừa giựt mình vừa mắc cỡ. Cô chớp chớp cặp mắt nói nhỏ:

-Dạ, anh cứ nói.

-Chắc Châu cũng hiểu tại sao tôi thường đến đây. Tôi tự biết mình không xứng với Châu... Nhưng từ khi Thu Anh qua đời, lòng tôi chưa bao giờ nảy sinh ra một thứ tình cảm như đối với Châu bây giờ. Tôi muốn hỏi ý Ngọc Châu coi tôi có chút hy vọng gì cưới... em về làm vợ hay không?

Ngọc Châu cực kỳ bối rối, cứ cắn môi mà không biết trả lời sao. Xã Trung phải

hỏi hai ba lần cô mới lấy hết can đảm ngẩng lên nhìn thẳng vào mắt ông rồi nói:

- Em rất cảm kích tấm lòng ưu ái của anh. Xin anh đừng nghĩ là không xứng với em. Vì thật sự cũng không phải em không có cảm giác gì đối với anh đâu. Cô thở một hơi dài rồi nói tiếp có chuyện này em phải kể cho anh nghe. Sau đó tùy anh quyết định. Em cho anh biết lý do tại sao em mang tiếng ghét đàn ông và ở vậy cho tới bây giờ. Xã Trung chăm chú nghe câu chuyện đau lòng của Ngọc Châu. Tới đoạn cô bị Bảo phục rượu, nhìn ánh mắt và giọng nói của cô ông nói vội:

- Nếu Châu thấy không thoải mái thì không cần phải kể tiếp. Tôi có thể đoán được phần nào...

Nhưng Ngọc Châu lắc đầu:

-Không, anh cứ để em kể hết một lần. Em nghĩ rằng em sẽ cảm thấy nhẹ nhàng hơn. Anh không thể hiểu, cái bí mật này như một gánh nặng ngàn cân trong lòng em từ mấy năm nay. Coi như anh giúp em trút bỏ nó đi thôi. và cô tiếp tục...Kể rồi cô buồn bã nói với ông xã:

-Bây giờ anh đã biết hết. Tùy anh quyết định, em không có quyền đòi hỏi gì hết. Em đã lỡ dại làm mất đi cái quý giá nhất của người con gái. Em có lỗi...Ngọc Châu định nói tiếp nhưng ông xã đã cắt ngang:

- Không, trong chuyện này em không có lỗi. Em chỉ là nạn nhân. Người có lỗi chính là tên mất dạy kia. Nếu em là một người con gái thích chuyện trăng hoa, coi thường tấm bằng trình của mình thì mới đáng trách, đằng này em bị tên đó dùng

thủ đoạn đê tiện chiếm lấy thì lại khác. Anh không phải hạ người thủ cựu một cách mù quáng đâu. Em đừng tự trách mình nữa. Thật ra phần anh cũng chỉ là một kẻ góa vợ còn đèo thêm hai đứa con. Vậy thì thưa... em, nếu em không chê kẻ già nua tuổi tác này thì xin em gặt đầu, vui lòng về làm... bà xã của anh.

Nghe ông xã Trung nói vậy, Ngọc Châu không nhịn được phải bật cười. Ông xã nhìn cô với cặp mắt đầy thương yêu:

-Em cười lên coi đẹp lắm. Anh sẽ cố gắng làm cho em cười hoài. Anh cảm ơn Trời Phật đã ban cho anh một người con gái như em.

Ngọc Châu cũng sung sướng không kém. Được một người chồng rộng lượng bao dung như ông xã thì cái vắn đề lớn tuổi không còn quan trọng. Cô tự hứa sẽ yêu thương hai đứa con chồng như con đẻ. Không cần phải, nói hai bên cha mẹ đều hài lòng. Cô út Hương tuyên bố:

-Kể từ đây em có học món bánh mới nào với chị Châu cũng khỏi cần phải trả tiền!

Cả năm đầu, Ngọc Châu khổ vì đứa con gái của ông xã không ít. Phi Loan rất thương mẹ. Bà mất đi, bao nhiêu tình thương ông xã dồn hết vào Trực và cô. Tự nhiên một người lạ hoắc nhảy vô chiếm cái tình thương đó, dầu chỉ một phần, cô cũng không chấp nhận. Mặc cho cha, rồi bà nội, rồi cô út giải thích, lời nào Phi Loan cũng gác ngoài tai. Cô nói với mọi người rằng cô đã bất hạnh mất mẹ, bây giờ mất luôn cha. Cậu hai Trực là con trai nên

sở lỗi hơn em. Hơn nữa tuy mới hăm hai nhưng cậu đã đính hôn với Huệ Khanh là em gái người bạn cùng lớp. Cách đó hai năm, Trực qua nghỉ hè ở nhà bạn bên Sađéc cả tháng. Huệ Khanh mới mười lăm nhưng đã nẩy nở rất sớm. Một thứ nhan sắc vừa ngây thơ vừa quyến rũ khiến Trực điên đảo tâm thần. Cô cũng mồ côi mẹ. Bà sanh đứa út bị làm băng nên qua đời. Cùng cảnh ngộ nên Trực càng thương Huệ Khanh hơn. Chuyện gì cô muốn là Trời muốn. Chỉ còn thiếu leo lên Thiên Đình ăn cắp đào tiên về cho cô nhỏ ăn mà thôi. Nhờ vậy cô bé cũng thấy trái tim mình thổn thức. Trong suốt năm học cậu viết thơ thường cho Huệ Khanh và chỉ mong cho hè mau tới. Đến chùng hè năm sau, thấy có thêm mấy tên đực rựa khác cũng đang dòm ngó, cậu hoảng quá về năn nỉ ông xã qua Sađéc xin cho cậu đính hôn với Huệ Khanh. Ông xã chịu con cũng lo cho xong và hai bên định năm sau Trung ra trường thì đám cưới. Trung mắc bận với cuộc tình của mình đâu còn thì giờ để ý tới chuyện khác. Ngày đám cưới của cha, Phi Loan mặt mày một đống. Ai nói gì cô cũng muốn gậy. Ông xã rầu lắm, nhưng cô út nói không sao, nó còn nhỏ chưa biết suy nghĩ chín chắn, từ từ rồi sẽ quen nên ông cũng yên lòng. Ban đầu chỗ nào có Ngọc Châu là Phi Loan tránh ra chỗ khác. Bữa cơm bắt buộc phải ngồi chung nhưng cô nhỏ chỉ yên lặng ăn, không nói không rằng. Cho đến lần Phi Loan bị trái rạ nóng mê man mấy ngày. Ngọc Châu không nề

nguy hiểm tức trực ngày đêm bên giường bệnh. Lúc Phi Loan tỉnh dậy, cảm thấy khát khô cả cổ, mở mắt nhìn quanh chợt thấy bà dì ghẻ mà cô ghét cay ghét đắng đang ngủ gà ngủ gật trên chiếc ghế bên cạnh giường. Rất đỗi ngạc nhiên cô định thần nhìn thật kỹ cái người này. Gương mặt bà trong giấc ngủ tuy hóc hác nhưng không dấu được nét hiền hậu dịu dàng. Chắc cảm nhận được có người đang nhìn nên Ngọc Châu mở bừng mắt. Thấy Phi Loan đã tỉnh bà mừng lắm vội nói:

-May quá con đã tỉnh rồi. Chắc khát nước lắm để dì rót. Vừa nói bà vừa đi lại bàn rót một ly nước ấm đem lại. Đỡ Phi Loan dựa lưng vào đầu giường, bà đưa ly vô miệng cho cô uống từ ngậm nhỏ. Xong xuôi lấy khăn nhúng nước ấm lau mặt, lau tay cho dễ chịu... Trong suốt thời gian này Ngọc Châu săn sóc con chồng từng ly từng tý nên chẳng những ông xã rất cảm động mà Phi Loan cũng thấy hết ác cảm với bà mẹ ghẻ. Khi thằng út ra đời, trong lúc bà xã còn nằm cữ, một tay cô chăm nom cho thằng em một cha khác mẹ này. Sau đó bà xã đã hết lòng chỉ dạy cho Phi Loan trở thành một cô thiếu nữ công dung ngôn hạnh vẹn toàn.

Ông Xã Trung cao giọng:

- Bây giờ con giải thích với ba và dì con sao đây?

Cậu hai cúi mặt:

-Ba à, ba có nhớ tháng năm năm ngoái ông nội bị bệnh nặng tưởng không xong, ba nhấc con về. Thằng Nam nhờ con ghé qua Sadéc đưa đồ cho ba của Huệ Khanh.

Không ngờ ông mắc đi công chuyện bên Châu Đốc. Buổi trưa em Khanh rủ con ra tiệm mì bên đầu cầu Cái Sơn ăn. Tụi con đi bộ. Lúc về nửa đường thì mưa ụp xuống. Hai đứa ướt như chuột lột. Tối tối cổ thấy khó chịu, cứ nháy mũi liên hồi nên đi nấu một nồi nước xông để giải cảm. Con bưng dùm nồi nước nóng vô buồng rồi chờ ở ngoài. Thấy lâu quá con hỏi thì cổ nói xong rồi. Con bước vô tính bưng nồi nước nguội xuống bếp. Ai ngờ... nói tới đây cậu cứ ấp úng rồi nín thinh. Thấy thái độ thằng con như vậy, ông xã chợt nhớ tới một chuyện khác, trợn mắt:

- Rồi có phải mày làm hỗn với nó hay không?

Nghe cha hỏi vậy cậu hai hết vía vội vàng nói:

- Dạ không phải đâu ba. Chẳng là... chẳng là lúc bước vô con thấy em Khanh đang... thay bộ quần áo ướt. Cổ đang... đang dùng khăn lau mồ hôi. Ba à, ba là đàn ông ba hiểu mà. Không phải hoàn toàn lỗi tại con, mà tại cái cơn mưa bất chợt đó thôi! Với lại em Khanh không có giận con.

Ông xã thở phào, liếc nhìn bà vợ đang ngồi yên lặng nãy giờ:

- Cái thằng thiệt tình! Tao sợ mày luôn.

Bà xã tới giờ mới lên tiếng:

- Hèn chi trưa nay lúc lạy bàn thờ ông bà, mọi người đều lấy làm lạ sao cô dâu đứng ngồi đều có vẻ cáng nắng khó khăn. Ai dè... nó có bầu.

Ông xã bỗng nhăn nhó:

- Cái khó là ăn nói làm sao với tía má đây?

Cậu hai đưa mắt nhìn bà xã ra về cầu cứu. Suy nghĩ một chập bà mỉm cười trấn an hai cha con:

- Không sao đâu. Sáng mai anh cứ để em lựa lời thưa với tía má. Được lên chức cố bất ngờ chắc ông bà vui lắm. Thôi bây giờ đi ngủ. Chắc mọi người ai cũng mệt rồi phải không? Nhắc tới cặp mắt tôi muốn sụp xuống rồi đây nè. Vừa nói bà vừa đứng lên. Cậu hai Trung còn cảm ơn bà đi ghé hai ba lần mới chịu lui bước. Ông xã đứng dậy bước tới nắm hai bàn tay bà vợ yêu siết chặt, mắt nhìn vào mắt bà âu yếm:

- Ngọc Châu, anh sớm biết là anh không chọn lầm. Không có em, cha con anh biết làm sao qua được cái ải này. Em đúng là thần hộ mạng của anh... Vừa nói ông xã vừa đặt lên trán vợ một chiếc hôn nồng nàn. Còn hai tuần nữa là Tết, lần này em muốn cái gì anh cũng xin chịu. Chỉ cần em... phán một tiếng.

Bà xã tựa đầu vào vai chồng, cặp mắt long lanh:

- Em nghĩ là anh biết em thích cái gì rồi mà!...

TIÊU THU (Canada)

HOA TI GÔN

Mến tặng Cung Lan

Ti gôn trắng muốn cài lên tóc mượt
Hái tặng em sao em lại hững hờ
Tình mới hé như ti gôn chớm nở
Anh ước mơ trong giây phút đợi chờ

Tình gói ghém mong tim em rung động
Thương em nhiều anh muốn viết thành thơ
Anh đến bên em trong giấc ngủ mơ
Đợi em tỉnh anh như kẻ dại khờ

Này anh hỡi hoa ti gôn tuyệt đẹp
Cảm động tấm lòng âu yếm trong hoa
Nếu duyên số đã bày tên hai đứa
Thì đã đâu còn băng giá tim em

Mong anh vui trong con đường anh chọn
Hoa ti gôn sẽ trắng mãi trong thơ
Nếu ngày nao ta có gặp lại nhau
Xin trao nụ cười nhớ kỷ niệm xưa

Diễm Trân

Tháng 2 năm 2015



Hoa Antigone
Ảnh của **TƯỜNG VÂN**
(California)

DÒNG SÔNG XƯA CÒN NGÀY TRỞ LẠI ...

Tôi trở về thăm lại dòng sông
Có bên ghe thuyền chài chen chúc
Dòng nước hiền hòa hai mùa trong đục
Gốc xoan bên đường đung độ trở bông
Chỗ thân quen, nay ai cũng lạ
Tự xót xa rồi tự thấy đau lòng.
Tên thân thuộc ngày xưa xóm Bồng,
Bên kia bờ Xuyên Mỹ quê em,
Người thuở trước, bây giờ ai còn mất,
Có còn ai chăm nón với xe tầm,
Đi lòn qua ngõ cũ ghé thăm,
Những đôi mắt nhìn theo xa lạ quá
Trong những đôi mắt kia có mắt em không hở
Lâu quá rồi, tính lại mấy mươi năm,
Nước vẫn trôi ra biển xa xăm
Tôi, mây bạc giăng thành chiều núi nhạt,
Mấy mươi năm phong sương phiêu bạt,
Chưa quên mùi rượu gạo Xuyên Quang,
Chưa quên những ngày Nam Phước nắng
chói chang,
Đêm gập gù ngâm thơ thị trấn Điện Bàn,
Con đường tôi đi thân thương chùng lồi,
Như vết hằn in đậm chẳng phai pha.
Tôi trở về thăm lại dòng sông
Có chiếc cầu dài như một đời chinh chiến,
Chiếc cầu còn ngủ yên, tôi từng uom lòng
thương mến,
Khi tôi trời dạo bước thân canh,
Những đêm trắng sóng nước tròng trăng,
Tôi, lãng tử bơi thuyền mơ Lý Bạch,
Bên này bên kia hai bờ ngăn cách,
Nhịp nổi liền xích lại kề nhau.

Thôi xa rồi - đành đoạn từ lâu,
Ai hiểu thấu hồn ai đau nhưc !
Lúc trở về, âm thầm tôi bật khóc,
Dấu vết bầm dưới ánh mắt trũng sâu,
Nước lững lờ qua, trôi dạt về đâu,
Người đứng lại bên đời buồn cô quạnh,
Sóng gió mênh mang mưa chiều bay lạnh lạnh,
Lòng ngậm ngùi chạnh xót nghĩa anh em !
Tôi trở về thăm lại dòng sông
Thẫn thờ đọc câu thơ một thời xuôi ngược,
Sáng Cầu Lâu tôi nhớ chiều Trung Phước,
Sớm Cà Tang thương mây độ Khương Bình.
Con sông buồn dòng nước lặng thình,
Không gió đập mà sao lòng dậy sóng
Lần trở về thăm lại dòng sông.

Hạ Thái Trần Quốc Phiệt
(San Jose, CA)

NIỀM ĐAU THẮNG TỰ

Nỗi đau mất nước làm sao nguôi ?
Năm tháng chờ mong... cứ mãi trôi
Vượt biển tan thân hàng vạn kẻ
Bằng rừng nát thịt biết bao người
Hồn thiêng Tổ Quốc không mờ nhạt
Hùng khí núi sông vẫn rạng ngời
Rồi một ngày mai ta trở lại
Tự do, no ấm... rượu đầy vui !

mộtthời
(Virginia)

Khí phách nhà thơ trước bạo quyền sau ngày quốc hận

XUÂN BÍCH

Quê hương Việt Nam, một quê hương từ ngàn xưa vốn mang dân tộc tính hiền hòa, trọng đạo nghĩa, yêu hòa bình và công lý, song lại vẫn luôn luôn phải đấu tranh với mộng xâm lược của ngoại nhân, nói rõ hơn là của bọn bá quyền Bắc phương mà bè lũ Việt gian Cộng sản Bắc Việt là tay sai, bán đứng quê hương cho Tàu cộng, đàn áp dân tộc mình đến khôn khổ cùng cực.

Ngày 30 tháng 4, 1975, ngày quê hương miền Nam bị bức tử do mưu đồ phản bội vì lợi ích vật chất của đồng minh cấu kết với Tàu cộng, giết hại những nhà yêu nước, yêu tự do, nhân quyền để rồi hại cả một dân tộc.

Ngày quốc hận, các chiến sỹ tự do trong QLVNCH phải buông súng để rồi bị trầm luân oan nghiệt trong các lao tù Cộng sản.

Miền Nam buông súng nhưng không buông bút, không tịnh khẩu mà vẫn chiến đấu bằng hành động với hai tay không, bằng ngôn từ, bằng tiếng ca, tiếng hét gào công lý, không chỉ trên môi trường tự do nơi hải ngoại mà ngay trong những ngày cùm gông nơi ngục tù Cộng sản, thậm chí ngay cả lúc đối mặt với kẻ thù.

Những ngày trong trại giam CT 6 Nghệ Tĩnh, nhà thơ Tô Thùy Yên đã viết trong thi phẩm dài “Mùa Hận”:

- *Ở đây địa ngục chín tầng sâu*
 - *cả giống nòi câm nín gục đầu*
 -
 - *Đám chủ mới y trang xứng xứng*
- Súng ngênh ngang tiết thét phàm phu...*

trong một bài khác mang tựa đề “Tàu Đêm”, con tàu chở than và súc vật nay chở các tù nhân chính trị, nhà thơ viết:

- *Tàu đi những chấn động hung hãn*
- *sắt thép kinh hoàng va đập nhau*
- *ta tưởng chừng như thời đại động*
- *xô đi âm ỉ một cơn đau!*
-
- *Ngồi đây giữa những phân cùn bụi*
- *Trong chuyến rời xung sát bạo tàn*
- *Ta trở thành than thành súc vật*
- *tiếng người e cũng đã quên ngang*

Đó là một trong những cây bút giữa lòng địch, và những ngày hiện nay trên quê hương đọa đầy cũng vẫn có những cây bút không hề bẻ cong mà công khai trực diện với những lời phản kháng chế độ như mọi người chúng ta đã nghe và đã thấy.

Trong phạm vi bài không thể nói hết về những trận chiến bằng ngòi bút, bằng vì tính nên chỉ xin sơ lược qua về một số nhà thơ tiêu biểu như những dòng ngưỡng mộ về khí phách “Uy vũ bất năng khuất” của các vị này.

I. Trước hết xin nói về nhà thơ quá cố **Hà Thượng Nhân**. Ở đây cũng xin miễn nói về tiểu sử vì là một nhân vật mà nhiều người đã từng nghe và biết đến, nhất là trong giới văn nghệ và quân đội; chỉ xin sơ lược về cử chỉ và khẩu khí của nhà thơ mà kẻ viết bài đã có cơ hội chứng kiến, có thể nói đây cũng là một giai thoại của một kẻ sỹ.

Tại trại giam Nghệ Tĩnh, vào khoảng năm 1978, một hôm nhà thơ phải đi gánh nước, trên đường bị tên gác tù chặn lại khám xét bắt được bài thơ trong túi với nội

dung than phiên chế độ trại tù, may là không có tên tác giả nên nhà thơ nói lược được ở hàng rào dùng làm đóm hút thuốc.

Hôm sau bị viết tờ kiểm điểm, nhà thơ dùng bút chì để viết, chữ mờ chữ rõ. Tên cán bộ hạch hỏi rồi đưa cây bút bi bắt viết lại. Nhà thơ không cầm bút bi và nói: “*Tôi quen chì rồi*”. Tên cán bộ có lẽ không hiểu ẩn ý của nhà thơ khi bỏ chữ ‘bút’. Hăn bèn hạch hỏi tại sao không nhận tội trong tờ khai, nhà thơ thẳng thắn trả lời:

“*Trại yêu cầu khai sự thật, tôi đã viết đúng sự thật, tôi không có tội với đất nước và không ai có quyền kết tội tôi.*”

Kết cuộc là nhà thơ bị đưa vô nhà tù nhỏ gọi là ‘Biệt giam’.

Trong bài thơ viết cho một bạn tù trẻ cùng trại giam với những câu:

- *Bạn ơi bạn, giữa rừng già Nghệ Tĩnh*
- *Ta thương nhau rồi bỗng xót xa nhau*
- *những ngày đông rét mướt bạn nằm đau*
-
- *Dù cùm xích lòng chúng ta vẫn vậy*
- *Ta sống chết vì tự do, lẽ phải*
- *Vòng kẽm gai hồ dễ hãm vậy ta.*

Với một phong thái như thế của nhà thơ quả là đàn anh trong làng thơ Việt thời chiến.

Thơ Việt thời chiến vừa qua có thể nói gồm hai loại; một biểu lộ hùng khí bảo vệ quê hương dân chủ, tự do và đạo làm người, trong số này có nhà thơ Hà Thượng Nhân.

Loại hai là một số các thi hữu khác sau 1954, khoảng 1963-1975, có thể kể đến Nguyễn Sa, Mai Thảo, Trần Dạ Từ, Tô Thùy Yên, Vương Đức Lệ, Lê Thị Ý, Trần Hoài Thư v.v.

Thơ Hà Thượng Nhân dù với chủ đề nào, dưới thể loại nào, và trong giai đoạn nào cũng đều mang nhân loại tính. Nhà thơ luôn tạo một cung đình cho tổ quốc và tự do.

Người chiến sỹ tự do không bao giờ đầu hàng, không thua trận, không ngừng chiến.

Những ngày còn bình sinh nơi hải ngoại, nhà thơ tuy tuổi đã cao vẫn với ngòi bút kiên cường và dòng mực đọng đầy hồn Chí Linh, rục niềm tin Diên Hồng, đã thể hiện qua những dòng trong thi phẩm “Chân Lý Nhất Định Thắng”

- *Trận chiến vẫn còn đang tiếp diễn*
- *Anh chị em ơi! cuộc chiến vẫn chưa thua*
- *30 tháng Tư! 30 tháng Tư!*
- *Ta buông súng chẳng vì ta khiếp nhược*
- *Trong lửa đạn chúng ta thừa dùng lược*
- *thừa hy sinh, thừa vị quốc vong thân*
- *chúng ta còn vô số Nguyễn Khoa Nam*
-
- *Quân thù đến mà sừng sờ tái mặt*
- *biết bao nhiêu là chiến sỹ vô danh*
- *những binh nhì cỡi áo nhảy lên thành*
- *bắn viên đạn cuối cùng rồi tự sát!*

II. Nhà thơ kể tiếp không thể không nói đến cố giáo sư **Vũ Hoàng Chương**, đồng thời là một thi nhân nổi tiếng từ thời Tiền Chiến. Làm thơ hay, dạy học thì say mê, không tham gia chính trị.

Năm 1954 di cư vào Sài Gòn, tên tuổi Vũ Hoàng Chương gắn liền với sự nghiệp thi ca và giáo dục học đường. Thế nhưng sau quốc nạn 30 tháng 4, 1975 lại mắc vòng lao lý. Một năm trong lao tù Cộng sản với tằm thân gầy yếu nên kiệt sức, gần mãn đời mới được tha về và chỉ sau vài hôm đã qua đời ngày 6 tháng 9 năm 1976.

Nguyên do tai họa đến với nhà thơ cũng là do khí phách của một kẻ sỹ chân chính từ những sự kiện sau:

1. Trước hết là do bài thơ hoạt cảnh Tết con Rồng “Vịnh Tranh Gà Lợn”

- *Sáng chưa sáng hẳn tôi không đành*
- *Gà lợn om sòm rồi bức tranh*
- *rằng vách có tai, thơ có họa*
- *biết lòng ai đỏ, mắt ai xanh*
- *mắt gà huỳnh đệ bao lần quáng*

- *lòng lợn âm dương một tác thành*
- *cục tác nữa chi ngừng ủn ỉn*
- *nghe rồng ngâm vãng khúc tân thanh.*

Qua là cảnh tượng miền Nam sau 30 tháng Tư, 1975, cuộc xáo trộn đầy những hoang mang, âu lo, và nghi ngại. Với một bối cảnh xã hội như vậy biết tin ai bây giờ. Trường hợp tác giả cũng là nạn nhân trong cuộc đổi đời; gia đình nhà thơ vốn ở nhờ nhà nữ sỹ Mộng Tuyết (phu nhân nhà thơ Đông Hồ) nhưng khi bọn Việt cộng vào, bà Mộng Tuyết vui vẻ đón và như sợ liên lụy, nói giáo sư Chương dọn đi chỗ khác nên ông đã rời đến trọ nhà em vợ là thi sỹ Đinh Hùng ở Khánh Hội.

Cường chiếm được miền Nam, một số các tên đường phố Sài Gòn bị thay đổi và nhà thơ Vũ Hoàng Chương đã có ngay hai câu thật mỉa mai chua chát:

*Nam Kỳ Khởi Nghĩa tiêu Công Lý
Đông Khởi vùng lên mất Tự Do*

2. Cùng thời với Vũ Hoàng Chương còn nhiều nhà thơ nổi tiếng khác trong đó có Huy Cận, hai người xưa kia từng quen thân với nhau nên sau 30 tháng Tư Huy Cận vào Nam tìm gặp nhà thơ họ Vũ. Lợi dụng tình bạn cũ Huy Cận nửa đùa nửa thật nói:

- *Đã lâu lại gặp ‘Chàng Say ‘*
- *‘Lửa Thiêng’ xin đốt chờ ‘Mây’ xuống trần.*

Nhà thơ Vũ Hoàng Chương ứng khẩu đáp lại ngay:

- *‘Mây’ kia chẳng chịu xuống trần*
- *‘Lửa’ ơi theo khói lên gần với ‘Mây’.*

(Ý của nhà giáo Vũ Hoàng Chương là muốn dạy cho người bạn hãy bỏ con đường hạ cấp mà quay về với chính nghĩa dân tộc.)

Vào Sài Gòn người đầu tiên mà Huy Cận cần tìm gặp tất nhiên là nhà thơ họ Vũ; Huy Cận mang lễ vật gồm một chai rượu quý, một lọ thuốc phiện, và tấm hình Hồ Chí Minh nhờ Vũ Hoàng Chương đề tặng

mấy câu thơ, hẹn ba ngày sau đến xin lại bức hình.

Đúng ba ngày sau người của Huy Cận đến thấy lễ vật và tấm hình vẫn y nguyên chỗ cũ. Nghe nói Huy Cận giận tím mặt song chẳng làm gì được.

Dịp này là cơ hội để sống yên thân nhưng là một nhà giáo có khí phách, luôn giữ tiết tháo của một kẻ sỹ nên không làm những gì lương tâm không cho phép.

3. Thế rồi tai họa phải đến đã đến. Một phái đoàn từ Bắc vô Nam trong đó có Huy Cận, được ký giả nằm vùng Thanh Nghị tiếp đón và tổ chức “Đêm Hẹn Mặt Văn Nghệ” chủ đích là để thống nhất tư tưởng và chủ đề là mấy câu thơ của Tố Hữu khóc Stalin:

Thương cha thương mẹ thương chồng

Thương mình thương một thương ông thương mười.

(ông ở đây là Stalin)

Trong buổi hẹn mặt, tất nhiên, là họ có mời nhà thơ Vũ Hoàng Chương. Biết là sẽ gặp nạn nhưng nhà thơ họ Vũ vẫn hiên ngang đến.

Khi được mời phát biểu, nhà thơ Vũ Hoàng Chương nghĩ chỉ có dịp này để mở mắt bọn chúng nên trong khi các người khác như Thanh Nghị, Huy Cận, Hoài Thanh ca tụng Tố Hữu hết mình, riêng nhà thơ họ Vũ đã thẳng thắn dạy cho bọn văn nô Hà Nội bài học đích đáng về giá trị và yếu tính của thi ca. Trong lời phát biểu ông đã phê bình thơ Tố Hữu là không thực, qua mấy câu trên ta cần..., ông nói “*Trước hết phải biết bà mẹ Việt Nam có cùng tâm cảnh với mình không. Tôi biết chắc là không, bởi trong đoạn trên của bài “Đời Đời Nhớ Ông” Tố Hữu đã đặt vào lời bà mẹ hai câu:*

- *Yêu biết mấy nghe con tập nói*
- *tiếng đầu lòng con gọi Stalin.*

chắc chắn là không có một bà mẹ Việt Nam nào, kể cả bà Tố Hữu, mà thốt được những lời như vậy một cách chân thành ... Bà mẹ

Việt Nam trong bài đã khóc tiếng khóc tuyên truyền, không mấy truyền cảm.”

Theo nhà văn Sông Lô lời thẩm định của giáo sư kiêm nhà thơ Vũ Hoàng Chương đã gây sôi nổi trong hội trường. Sau đêm đó nhà thơ họ Vũ đã bị bắt giam trong khám Chí Hòa cùng với một số nhà trí thức khác trong đó có Bác sỹ Phan Huy Quát, nguyên Thủ Tướng chính phủ dân sự do cụ Phan Khắc Sửu làm Quốc Trưởng. Tác giả Sông Lô cũng đã viết về nhà thơ Vũ Hoàng Chương như sau:
“Ai đã biết Vũ Hoàng Chương ắt phải biết cái danh thép bên trong tấm thân nhỏ bé, ọp ẹp của ông.”

III. Sau nữa là nhà danh họa **Vũ Hối**.

Sau ngày quốc nạn 30 tháng Tư, 1975 cũng đã chịu nhiều năm trong lao tù Cộng sản, ông bị giam tại nhà tù Phan Đăng Lưu và khám Chí Hòa cùng với giáo sư Vũ Hoàng Chương, với tội danh là nghệ sỹ phản động.

Với bức tranh “Mặt Trời Đỏ”, trong tranh chỉ một cây trơ trụi lá với nhánh cây nhọn như mũi súng chĩa về hướng mặt trời đỏ, ngụ ý chế độ Cộng sản sẽ bị tiêu diệt. Khi bị hạch hỏi ông cô giải thích đó là mặt trời đỏ ối lúc hoàng hôn và cây trong mùa lá rụng nên trơ trụi, như để đánh lạc hướng nghi kỵ của bọn người luôn có thành kiến với đối phương.

Là một nghệ sỹ luôn trọng nhân cách nên không chịu nhận tội như chúng ép buộc và đã bị hành hạ hư một mắt như trong thơ ông đã ghi lại:

- *Đòn thù giáng xuống mù một mắt*
 - *Hai chân cùm vết sẹo còn nguyên*
 - *Giương nghìn xưa chí hùng bất khuất*
 - *quyết xả thân tranh đấu nhân quyền.*
- (Cùng thấp đuốc nhân quyền)

Họa sỹ Vũ Hối luôn dùng nghệ thuật để nói lên tâm tư và ước vọng tự do công lý không chỉ cho riêng cá nhân mình mà là cho dân tộc, cho quê hương yêu dấu.

Năm 1963 đoạt giải Khôi Nguyên Quốc Tế với bức họa MỘNG HÒA BÌNH giữa rừng cờ quốc tế với ngọn cờ dân tộc Việt nền vàng ba sọc đỏ.

Trong thơ ngoài những dòng thương nhớ mẹ hiền, nghệ sỹ tài danh Vũ Hối vẫn thao thức thờ dài thương về quê mẹ Việt Nam:

- *Tìm đâu thấy nắng vàng quê mẹ*
 - *Nghiêng bút sầu cuối nét lệ rơi*
- Hàng năm mỗi độ xuân về, nơi đất khách quê người ông lại nghẹn ngào thở than:
- *Ngồi đây đếm vạn đặng cay*
 - *Giao thừa quê mẹ phương này tuyết rơi.*
- rồi trong thi phẩm “Lời Tình Tự” Vũ Hối viết lên chính nỗi lòng mình với những dòng tình tự nhẹ nhàng mà sầu lắng:
- *Không là kẻ siêu nhân kiệt chúng*
 - *vẫn phải thao thức chuyện núi sông.*

Để nói lên lời ngợi ca tinh thần đấu tranh của các anh hùng và anh thư thời đại, đặc biệt là tại quốc nội, ông viết:

- *Oai hùng thay ngàn năm trang sử Việt*
 - *lửa đấu tranh hùng hực chống bạo quyền.*
- và sâu sắc hơn, để mĩa mai cái xác khô nơi Ba Đình, Vũ Hối viết:

*Cứ nằm chết lạnh trong lãng đã
đất mẹ đâu dung xác giặc Hồ.*

Đôi dòng ghi lại tấm gương cương trực không hề khuất phục trước bạo quyền của những vị luôn sống với tinh thần kẻ sỹ chân chính, như những nén hương long dâng lên Tổ Quốc Việt Nam và tưởng niệm ngày Quốc Hận thứ 40.

MỘT NGÀY MÙA HẠ Ở SAN FRANCISCO

Tôi đến “Xen-Phơ-Răng”
Giữa trưa trời sẫm tối
Sương phủ mờ . dốc cao
Người đông như trẩy hội

Mặt biển mờ mờ xa
đàn hải âu nghiêng cánh
từng cánh buồm lướt qua
gió hiu hiu thấm lạnh

Đứng bên này eo biển
nhìn sang bên kia bờ
từng nhịp cầu lơ lửng
còn đọng hồn người xưa

Người xưa ơi, Strauss (*)
mãi mãi dòng thời gian
tim óc người vô tận
trên đường nét kỳ quan

Tôi đến San Fran
con đường ngoằn dốc thoải
như bầy cua bò ngang
đoàn xe quanh rồi rãi

Xuống thấp rồi lên cao
bốn hướng vòng xuôi ngược
những con đường dọc ngang
đập dờn như sóng nước

Từng dãy phố chập chùng
xếp chồng bên vách núi
bàn tay nào vẽ nên
thiên nhiên nào diệu vợi?

A SUMMER DAY IN SAN FRANCISCO

I arrived in San Francisco at noon
on a dark day similar to nightfall.
The slopes hazed far above with fog;
People crowded like in a festive mall.

The distant sea surface was dim;
the petrels inclined their wings still;
the sails glided past one after another;
the breeze brought a breath of chill.

From this side of the straits,
I looked at the other along each span
and felt as if the suspended bridge
still retained the spirit of a gone man.

Oh, Strauss (*), the old engineer!
Your heart and mind being so sublime
with marvelous lines in your design
have and will still live through time.

I got to San Francisco on the winding
and sloping streets with pleasure;
Like the transversely crawling crabs,
the line of vehicles rounded at leisure.

Going downwards then back upwards
around in four and each way trend,
the horizontal and vertical roads
drifted up and down as if waves bend.

The rows of houses one upon another
heaping up round the mountain side:
whose hands were so skillful to create?
what masterpiece did nature to us confide?

Tôi đến San Fran
bỗng nhòe, đôi mắt ướt
trông qua Thái Bình Dương
trông chừng như đứt ruột ...

I entered San Francisco City
feeling tears in my eyes suddenly start;
I gazed far over the Pacific Ocean
and suffered pain in my deep heart...

SONG NHỊ

Translation by THANH-THANH

(*) Joseph B. Strauss, kỹ sư thiết kế và thực hiện cầu Golden Gate, một trong bảy kỳ quan của nhân loại.

(*) *Joseph B. Strauss, the engineer who designed and built the Golden Gate Bridge, one of the seven wonders of the world.*

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI



Dấu Chân Kỷ Niệm

Cuốn tùy bút thứ ba của Nguyễn-Phú-Long, phần nhiều đã phổ biến qua báo chí, nay gom lại cho khỏi thất lạc và dễ kiếm tìm. Hình thức trình bày giản dị. Nội dung đề cập mấy tiết mục như việc xây cầu Trường Tiền, ở cố đô; nghề thông ngôn tại nước ta; cái làm đáng yêu nơi bác Mai-Lâm; xung quanh chỗ lội đường ngang của cụ Nguyễn Khuyến ; chuyện năm canh lục đục với mấy phú hộ xưa...

Sách dày hơn 200 trang, bìa là bức tranh sơn dầu của Trúc Lang vẽ cảnh vùng Cổ Ngũ, Huế. Hoa Tiên vừa xuất bản, địa chỉ liên lạc tác giả:

MR. NGUYỄN PHÚ LONG
11617 Norwich PKWY
Glen Allen, VA 23059

LÒNG TA NẶNG TRĨU ƯU PHIỀN

Bốn bài thơ của thi sĩ Anh A. E. Housman

Phạm Trọng Lệ chọn và dịch

I. Vài hàng tiểu sử Housman

A. E. Housman, nguyên tên là Alfred Edward Housman, sinh ở Flocbury, Worcestershire, England, năm 1859, gần miền Shropshire, vùng quê thanh bình mà sau này ông chọn làm bối cảnh trong thơ ông. Năm 18 tuổi ông được học bổng theo học tại St John's College đại học Oxford, nhưng dù nổi tiếng là sinh viên xuất sắc, trước sự ngạc nhiên của giáo sư và bạn học, ông đã rớt kỳ thi tốt nghiệp. Theo một nguồn thì vì cha ông bệnh nặng, nhưng theo cuốn Norton Anthology of English Literature, (vol. 2, p. 1836), ông trải qua một biến động tâm lý lớn vì một mối tình thâm kín với bạn đồng học không được đáp ứng. Trong 10 năm sau, ông làm công chức cho sở Patent Office (sở cấp bằng sáng chế) ở London. Trong thời gian làm thư ký ở sở này, ông dùng thì giờ rảnh rỗi tới bảo tàng viện British Museum đọc sách, tự trau dồi văn chương Latin và Hy Lạp, và năm 1892 vì viết nhiều bài khảo cứu về văn chương Latin giá trị được đăng trong những chuyên san văn chương cổ ngữ, ông được mời làm giáo sư và trưởng khoa văn chương Latin ở University



College, London, lúc đó chỉ có 560 sinh viên. Sau khi dạy ở đó được 20 năm, năm 1911, ông được cử làm Professor of Latin ở Trinity College, Cambridge cho đến khi gần mất (năm 1936).

Ông là một tay nhuận sắc cừ khôi những áng văn cổ. Ông là người tôn cổ, và bảo thủ; về văn chương ông trọng cổ tục. Ông chịu ảnh hưởng thơ La Mã, những bài đồng ca vùng giữa biên giới England và Scotland (Scottish border ballads), và những bài ca trong kịch của Shakespeare. Một số bài thơ của ông được phổ nhạc. Lời thơ của ông êm dịu, thường có vẻ nghiêm trang, bi quan, chữ dùng giản dị nhưng thâm trầm, nên theo nhà phê bình Louis Untermeyer (ghi chú bên dưới) ông còn được gọi là “the greatest Latin poet who ever wrote in English,” (Nhà thơ Latin giỏi nhất viết bằng tiếng Anh).

Tập thơ đầu tay ông bỏ tiền ra tự in vì có nhiều nhà xuất bản từ chối, và chính tập thơ này làm ông nổi tiếng. Đó là tập The Shropshire Lad (chàng trai trẻ vùng Shropshire) in năm 1896. Trong 63 bài thơ trong tập thơ này, ông mô tả cảnh đồng quê dân dã. Chủ đề là thời gian qua nhanh, và sự chết trẻ của những trang thanh niên thiếu nữ ở tuổi còn thanh xuân. Cuốn thơ thứ hai

Late Poems in năm 1922. Thơ ông có giọng cổ điển, vần khít khao, có giọng điệu như những bài đồng ca (ballads) và rất được ưa chuộng trong thời đại chiến thứ nhất. Hai tập thơ thứ ba và thứ tư đầy đủ nhất của ông mang tựa là More Poems và The Collected Poems of A. E. Housman (1939) do người em ông in sau khi ông qua đời. Trong một bài diễn thuyết nhan đề “The Name and Nature of Poetry” (1933) đọc trước cử tọa danh tiếng của trường đại học Cambridge, ông nói rằng “nhiệm vụ kỳ lạ của thơ không phải là truyền đạt tư tưởng mà là truyền đạt xúc cảm. (“The peculiar function of poetry is not to transmit thought” but “to transmit emotion.”). Ngoài 4 tập thơ, ông bỏ ra 27 năm để nhuận sắc và chú giải bộ sách năm cuốn của nhà thiên văn học người La Mã sống ở thế kỷ thứ nhất tên là Marcus Manilius. Bộ sách đồ sộ này là Astronomicon, tái bản bởi Cambridge University Press, 2011, và ông cũng nhuận sắc những tác phẩm thơ Satires của Juvenal, nhà thơ trào phúng La Mã, sống ở cuối thế kỷ thứ nhất và đầu thế kỷ thứ 2 sau công nguyên (in bởi Greenwood Press, 1931).

Trong một thế giới-- theo lối suy nghĩ của ông-- bất trung và vô lý, Housman tin rằng chỉ có cái chết là có hình ảnh trang nghiêm nhất. Trái tim đem ra khỏi lồng cho đi một cách vô ích, khi ân hận thì quá muộn, những chàng trai dẻo chân khoẻ tay nhanh nhẹn giờ chết chôn bên giòng suối. Trong bài thơ “Loveliest of Trees” ông tả cái đẹp của rừng cây anh đào dưới trời tuyết trước Lễ Phục sinh. Chàng trai mới hai mươi tuổi mà đã thấy tiếc thời gian đã qua. Ngắm cảnh trời đất hoa nở rực rỡ trong mùa tuyết giăng đầy trời thì cả đời mình

cũng chưa đủ. Bài “To an Athlete Dying Young” đem người đọc trở về không khí thời tiền sử Hy Lạp, bốn năm một lần, trên cánh đồng dưới núi Olympia vào ngày lễ thần Zeus, cảnh các lực sĩ chạy đua. Cái chết trang nghiêm của người lực sĩ trẻ vừa đạt được kỷ lục cho thấy vẻ ngắn ngủi hào nhoáng của vinh quang, khi người làng khiêng xác chàng về, trên đầu chàng trai còn mang vòng nguyệt quế còn tươi.

Bài thơ “Loveliest of Trees” được xếp hạng thứ 55, bài “With Rue My Heart is Laden” được xếp thứ 234, bài “To an Athlete Dying Young” được xếp thứ 127 trong 500 bài thơ tiếng Anh được tuyển chọn trong sách giáo khoa nhiều nhất (most anthologized) theo bảng liệt kê của g.s. William Harmon trong cuốn THE TOP 500 POEMS (New York: Columbia University Press, 1992).

II. Bốn bài thơ của Housman

1. Loveliest of Trees

Loveliest of trees, the cherry now
Is hung with bloom along the bough,
And stands about the woodland ride
Wearing white for Eastertide.

Now, for my threescore years and ten,
Twenty will not come again,
And take from seventy springs a score,
It only leaves me fifty more.

And since to look at things in bloom
Fifty springs are little room,
About the woodlands I will go
To see the cherry hung with snow.

A. E. Housman

(1896, số II trong tập A Shropshire Lad)
Cây đào rục rở

Cây anh đào bây giờ đẹp nhất,
Đang nở hoa ngay cạnh lùm cây.
Bên con đường nhỏ rừng mây.
Khoác màu áo trắng đón ngày Phục-sinh.
Cả đời mình bấy mươi năm ấy,
Hai mươi năm thoáng thấy qua rồi.
Trong bấy mươi mùa xuân tươi,
Khấu đi hai chục còn năm mươi mùa.

Ngắm trời đất cỏ hoa rục rở,
Năm mươi xuân phông độ là bao.
Rừng cây ta bước chân vào,
Ngắm hoa tuyết phủ cảnh đào rung rinh.
(PTL phỏng dịch)

2. With Rue My Heart is Laden

With rue my heart is laden
For golden friends I had,
For many a rose-lipt maiden
And many a light-foot lad.

By brooks too broad for leaping
The lightfoot boys are laid;
The rose-lipt girls are sleeping
In fields where roses fade.

A. E. Housman

(1896 số LIV trong tập A Shropshire Lad)

Chú thích: lightfoot=light-footed=nhẹ chân,
thoăn thoắt gót chân

Lòng ta nặng trĩu ưu phiền

Lòng ta nặng trĩu ưu phiền,
Quặn lòng thương nhớ bạn hiền chiều đông
Bao nàng thực nữ môi hồng,
Bao chàng thoăn thoắt nhẹ bồng như bay.

Bên giòng suối rộng chiều nay,
Chàng trai năm ấy mộ đầy cỏ hoang.
Những nàng môi thắm má hường.
Cùng hoa tàn ngủ bên đường quanh hiu.
(PTL phỏng dịch)

3. When I was One-and-Twenty

When I was one-and-twenty
I heard a wise man say,
“Give crowns and pounds and guineas
But not your heart away;
Give pearls away and rubies
But keep your fancy free.”
But I was one-and-twenty
No use to talk to me.

When I was one-and-twenty
I heard him say again,
“The heart out of the bosom
Was never given in vain;
‘Tis paid with sighs a-plenty
And sold for endless rue.”
And I am two-and-twenty,
And oh, ‘tis true, ‘tis true.

A. E. Housman

(1896 số XIII trong tập A Shropshire Lad)

Năm ta hăm một tuổi đầu

Năm ta hăm một tuổi đầu,
Có hiền giả nhủ một câu chân tình.
“Cho vàng ngọc bạc tiền chẳng tiếc,
Nhưng con tim giữ miết đừng đưa.
Chuối hạt trai, ngọc đỏ kia
Cho đi nhưng giữ lời thề mộng mơ.”
Năm hăm một tuổi bấy giờ,
Lời khuyên ta để hững hờ ngoài tai.

Năm ta hăm một tuổi đời,

Lại nghe hiền giả khuyên lời phải chững
«Trái tim khi lọt khỏi lồng,
Chớ nên uổng phí cho không chững màng.
Kẻ mua não nuốt thở than,
Người bán trần trở buồn phiền không nguôi ».

Năm sau ta tuổi hăm hai,
Ngẫm lời khuyên thấy hợp tai: Muộn rồi!
(PTL phỏng dịch)

4. To an Athlete Dying Young

The time you won your town the race
We chaired you through the market-place;
Man and boy stood cheering by,
And home we brought you shoulder-high.

To-day, the road all runners come,
Shoulder-high we bring you home,
And set you at your threshold down,
Townsmen of a stiller town.

Smart lad, to slip betimes away
From fields where glory does not stay
And early though the laurel grows
It withers quicker than the rose.

Eyes the shady night has shut
Cannot see the record cut,
And silence sounds no worse than cheers
After earth has stopped the ears:

Now you will not swell the rout
Of lads that wore their honours out,

Runners whom renown outran
And the name died before the man,
So set, before its echoes fade,
The fleet foot on the sill of shade,
And hold to the low lintel up

The still-defended challenge-cup,
And round that early-laureled head
Will flock to gaze the strengthless dead.

And find unwithered on its curls
The garland briefer than a girl's.

A. E. Housman
(1896 số XIX trong tập A Shropshire Lad)

Dịch xuôi:

Gửi người lực sĩ chết yểu

Ngày chàng thắng cuộc đua cho làng ta
Chúng tôi để chàng ngồi trên ghế, kiệu
chàng đi khắp chợ;
Già trẻ hò reo bên đường,
Chúng tôi nâng chàng thật cao trên vai rước
về nhà.

Hôm nay, cũng trên con đường các lực sĩ
chạy đua trở về,
Chúng tôi khiêng chàng trên vai về nhà ;
Rồi đặt chàng xuống thêm,
Chàng là người con yêu của ngôi làng nay
càng thêm im-vắng.

Chàng thật khôn ngoan, sớm trốn
Khỏi nơi mà vinh quang không tồn tại lâu
Dù vòng hoa nguyệt quế mọc sớm
Cũng héo nhanh hơn bông hồng.

Mắt chàng bóng đêm đã khép
Sẽ chẳng bao giờ nhìn thấy kỷ lục vừa đạt được
Và không gian lặng ngắt bây giờ cảm động
chẳng kém khi có lời cổ vũ
Sau khi đất đã đổ đầy lấp kín lỗ tai rồi.

Bây giờ chàng không phải nhập bọn với
đám đông

những lực sĩ xưa đạt bao vinh dự nhưng
nay không còn nổi tiếng nữa
những lực sĩ điền kinh mà danh tiếng họ
vượt họ quá xa
Và dù họ còn sống mà người đời đã lãng
quên như họ đã chết.

Vậy thì trước khi tiếng vọng cổ võ êm đi,
Chàng hãy đặt chân lướt nhanh trên thềm
bóng đêm
Và để lại trên rầm cửa sổ thấp
Chiếc bình ghi kỷ lục vẫn chưa ai vượt nổi.

Và quanh đầu chàng mang vòng hoa tươi
Đám đông người bu lại nhìn xác không còn
sinh lực
Và thấy trên những lọn tóc xoăn
Vòng hoa chiến thắng vẫn chưa héo còn
ngắn hơn lọn tóc thiếu nữ.
(PTL dịch xuôi)

Dịch sang văn vần:

Gửi chàng lực sĩ chết trẻ

Hôm chàng thắng cuộc cả làng
Đặt ngai trên ghế, kiệu chàng khắp nơi.
Trẻ già nhón bé vui cười,
Chàng cao ngất nghều, người người hò reo.

Hôm nay cũng quãng đường chiều,
Thân chàng còn ấm, được nhiều bạn khiêng.
Về nhà đặt nhẹ trước thềm,
Người con yêu của làng yên ắng rồi.

Sao chàng khôn khéo tuyệt vời,
Bụi trần xa lánh sớm rời vinh quang.
Vòng hoa nguyệt quế còn mang,
Hồng chưa kịp héo, quế tàn trước hoa.

Mắt chàng đêm tối phủ nhòa,
Đâu còn nhìn thấy tài ba của mình
Đắt kín tai, cảnh lặng thình,
Như lời cổ võ nghẹn lòng người xem.
Chẳng như người, khỏi lẩn chen,
Xưa mang vinh dự nay quên lãng rồi.
Tiếng thom vượt họ xa vời,
Thân, tuy còn sống, tên, đời đã quên.

Trước khi lặng tiếng vang rền,
Lẹ chân hãy đặt xuống thềm bóng đêm
Rồi nâng bình bạc đề lên
Bên khung cửa sổ ghi tên người hùng.

Trên đầu hoa thắm một vòng,
Đám đông bầu lại xác không còn hồn.
Bao quanh những lọn tóc vàng,
Hoa còn tươi gọn như làn tóc mây.
(PTL phỏng dịch)

III. Sách tham khảo.

A. Hai tài liệu liệt kê đầu tiên bên dưới
dùng làm căn bản cho phần tiểu sử và phê
bình của bài viết này:

-« A. E. Housman » (2015) The
Biography.com website
<http://www.biography.com/people/as-housman-38875>

-Louis Untermeyer, comp. A TREASURY
OF GREAT POEMS. New York: Galahad
Books, 1942, 1955, 1993, pp. 1022-1032.
B. The Collected Poems of A. E. Housman.
(Holt, Rinehart and Winston, 1939).

-Nếu không có cuốn thơ toàn tập kể trên,
độc giả có thể đọc tập thơ A Shropshire Lad
miễn phí trong:
www.gutenberg.org/ebooks/5720

-Và tập Last Poems of A. E. Housman miễn phí (ebook #7878) trong:

www.gutenberg.org/files/7878-h/7878-h.htm

-Có thể download miễn phí và nghe 4 bài thơ của Housman trong Works by A. E. Housman at Librivox (Public domain audiobooks).

-Philip Gardner, ed. A. E. Housman: The Critical Heritage. (London: Routledge, 1992). Tài liệu thu thập nhiều bài điếm sách và luận văn về thơ của Housman, dành cho sinh viên ban văn chương cần viết bài khảo cứu về Housman.

-Claudia Newton Jackson. "A Survey of Criticisms of A. E. Housman's Poetry,"

Master's Thesis. Loyola University Chicago, 1942; 79 trang; có thể xem trên internet.

-Anthony Lane. "Lost Horizon: The Sad and Savage Wit of A. E. Housman." New Yorker Feb. 19, 2001 in

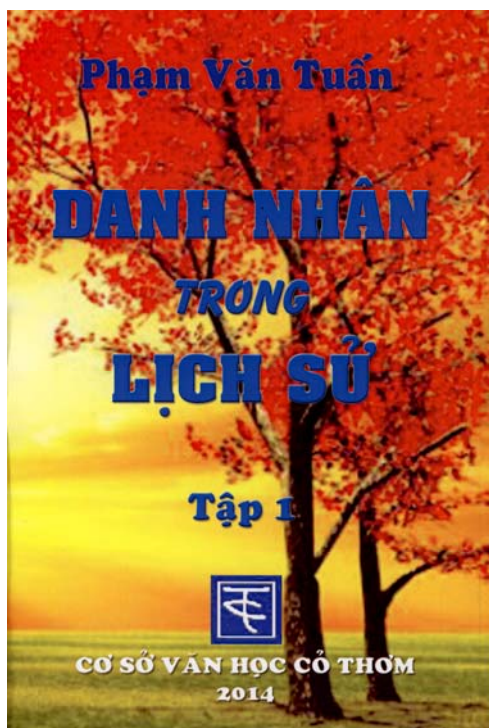
<http://www.newyorker.com/magazine/2001/02/19/lost-horizon>. Bài giới thiệu rất kỹ về Housman thư ký, thi sĩ, học giả văn chương cổ điển Hy-La, nhà phê bình sắc bén nhưng cực kỳ nghiêm khắc, và cũng là người rất sành điệu ăn uống. Bài báo nêu thêm óc dí dỏm, hóm hỉnh và phong cách biệt lập của Housman.

[Viết xong tại Virginia 1996, sửa lại và bổ chính 3/29/15. —PTLệ]

DANH NHÂN trong LỊCH SỬ - Tập 1.

Tác Giả: Phạm Văn Tuấn

1- Julius Caesar. 2- Napoleon Bonaparte. 3- George Washington. 4- Thomas Jefferson. 5- Benjamin Franklin. 6- Abraham Lincoln. 7- Franklin D. Roosevelt. 8- Dwight D. Eisenhower. 9- Douglas MacArthur. 10- Adolf Hitler. 11- Winston Churchill. 12- Joseph Stalin. 13- Vua Louis 14- Charles de Gaulle. 15- Thái Hậu Từ Hi. 16- Viên Thế Khải. 17- Các Đốc Quân Trung Hoa. 18- Tôn Dật Tiên. 19- Tưởng Giới Thạch. 20- Mao Trạch Đông. 21- Đặng Tiểu Bình. 22- Marco Polo. 23- Christopher Columbus. 24- Francisco Pizaro. 25- Mohammed. 26- Ptolemy. 27- Roger Bacon. 28- Antoni van Leeuwenhoek. 29- Nicolaus Copernicus. 30- Johannes Kepler. 31- Galileo Galilei. Tập 1: 503 trang, giá bán \$20, kể cả cước phí bưu điện (trong nước Mỹ).



LÊ THÁNH TÔNG (1442-1497)

Hải Bằng. Hoàng D. Bình

Vua Lê Thánh Tông là một vị vua tài giỏi và đạo đức nhất trong lịch sử Việt.

Dưới triều đại của ông, đất nước ta sống trong cảnh thịnh trị và phát triển tốt đẹp về mọi mặt. Cảnh thanh bình kéo dài khoảng 300 năm đã để lại nhiều huyền tích sâu xa mà sau này nhà sử Đặng Trần Côn đã gián tiếp bày tỏ trong “*Chinh Phụ Ngâm*” qua những câu như:

Nước thanh bình ba trăm cũ
Áo nhung trao quan vũ từ đây
Sứ Trời sớm dực đường mây
Phép công là trọng, niềm tây xá nào

Trần Trọng Kim trong *Việt Nam Sử Lược* đánh giá Lê Thánh Tông là một ông vua thông minh, có hiếu với mẹ. Ông viết:

Vua Lê Thánh Tông đã sửa sang được nhiều việc chính trị, mở mang sự học hành, chinh đốn các việc vũ bị, đánh dẹp nước Chiêm, nước Lào, mở thêm bờ cõi, khiến cho nước Nam...bấy giờ được văn minh thêm ra và lại lừng lẫy một phương, kể từ xưa đến nay chưa bao giờ cường thịnh như vậy.

Đại Việt Sử Ký Toàn Thư đánh giá Vua Lê Thánh Tông là:

Một bậc vua anh hùng tài lược, dẫu Vũ Đế nhà Hán, Thái Tông nhà Đường cũng không thể hơn được.”

Sử gia Phan Huy Chú (1782-1840) ghi nhận về Lê Thánh Tông:

Tay không rời sách, kinh sử, dịch số, toán chương đều tinh thông, văn thơ càng giỏi hơn các bề tôi ... văn vũ tài lược hơn cả các đời.

Lai Lịch Vua Lê Thánh Tông

Nguyên Vua Lê Thái Tông có 4 người con trai: Nghi Dân, Băng Cơ, Khắc Xương, và Tư Thành.

Khi Vua Thái Tông đột ngột qua đời, bà ái phi Nguyễn Thị Anh cho lập con của bà mới hai tuổi là Băng Cơ lên làm Vua Đại Việt tức là Vua Nhân Tông.

Nhắc lại lúc Thái Tông còn sống, ái phi Nguyễn Thị Anh đã tìm cách hãm hại bà phi Ngô Thị Ngọc Dao đang có mang Tư Thành (tức vua Lê Thánh Tông sau này) để giành ngôi thái tử cho con mình. Nguyễn Trãi và Thị Lộ xin Thái Tông che chở và thuận cho bà phi Ngọc Dao đi trốn ở Chùa Huy Văn (Thăng Long), rồi sau tẩu tán về An Bang tức Quảng Ninh ngày nay.

Năm 1459, Hoàng Tử Nghi Dân đảo chính giết Nhân Tông và Thị Nga rồi lên làm vua. Tư Thành được cải phong làm Cung Vương. Chín tháng sau, Nguyễn Xí và Đinh Liệt, nguyên là cựu thần từ thời Vua Lê Lợi, làm cuộc đảo chính, giết Nghi Dân và đưa Lê Khắc Xương lên ngôi vàng. Nhưng Khắc Xương có lẽ tự biết mình tài đức không bằng Tư Thành nên nhường ngôi báu cho Tư Thành.

Ngày 8 tháng 6 năm Canh Thìn (1460), Lê Tư Thành lúc đó được 18 tuổi lên ngôi, lấy niên hiệu là Quang Thuận (1460-1469), sau này đổi niên hiệu là Hồng Đức (1470-1497). Các đại công thần Nguyễn Xí và Đinh Liệt được nắm chức vụ cao quý nhất trong triều đình.

Sau một năm chấp chánh, vua Lê Thánh Tông (20 tuổi) đã thẳng thừng trách tư tưởng tự ti của hai cựu thần Ngô Sĩ Liên và ghiêm Nhân Thọ với những câu như sau:

Ta vừa mới coi chính sự, sửa mới đức tính, mà các người đã lưu ý ta rằng nước ta chỉ là hàng phiên bang của Trung Quốc thuở xưa. Thế là các người đã theo con đường chết, mang lòng không vua!”

Chính vậy thôi chứ nhà vua không bắt tội họ. Sau này chính sử gia Ngô Sĩ Liên viết về Lê Thánh Tông: *“Vua sáng lập chế độ, mở mang đất đai, bờ cõi; văn vật tốt đẹp. Thật là vua anh hùng, đảm lược.”*

Tại sao Lê Tư Thành lại có thể trở thành một vị vua tài giỏi và hiền đức?

Chắc chắn là vì nhà vua đã có cơ hội được giáo dục rất tốt từ chính bà mẹ hiền đức Ngô Thị Ngọc Dao lúc mang thai được nương náu nơi Cửa Phật – Chùa Huy Văn.

Thật vậy, trong hơn mười năm trốn lánh, che dấu thân phận, bà Ngọc Dao (mẹ của Tư Thành) cũng như là thân tộc của Thái bảo Ngô Tử (ông ngoại của vua) chắc hẳn đã tập trung nỗ lực nuôi dạy Tư Thành để trở thành một con người tài đức vẹn toàn. Điều này đã được chứng minh ở tài năng lãnh đạo của nhà vua trên khắp mọi lãnh vực và đặc biệt là lòng hiếu thảo với mẹ và lòng từ bi đối với những vây cánh của Nguyễn Thị Anh.

Triều đại Lê Thánh Tông quả là một thời đại vàng son, hiển hách nhất trong lịch sử nước ta: vua hiền, tôi giỏi, dân no vui. Nhà vua có 14 hoàng tử và 20 công chúa.

Những Thành Tựu dưới Đời Vua Lê Thánh Tông

Nhờ có hiểu biết và đạo đức hơn người, và với một lòng vì nước, vì dân, nhà vua đã được nhiều nhân tài hết sức phò giúp trong sạch hóa triều đình, tiến hành nhiều cuộc cải cách xã hội quan trọng, sát nhập vùng đất của Chiêm Thành, mở rộng bờ cõi xuống tận phía nam, và đặc biệt là ban hành một bộ luật cấp tiến mang tên là *Quốc Triều Hình Luật* được gọi tắt là *Luật Hồng Đức* do chính nhà vua khởi xướng.

Binh Bị

Về Binh Bị, nhà vua tổ chức quân lực thành 5 Đạo tương tự như 5 Quân Đoàn ngày nay và quân sĩ thường xuyên phải tập luyện.

Nhà vua đích thân tuần tra nhằm khuyến khích quân sĩ. Trong một lần đi thăm quân sĩ ở vùng biển Hạ Long, nhà vua có bài thơ khắc trên vách núi, sau này dân địa phương gọi đó là Núi Bài thơ. Các lực lượng trừ bị cũng được thành lập cùng bộ quân luật gồm 43 điều khoản để duy trì quân kỷ.

Nhà vua đặc biệt lưu ý các quan trú phòng ở biên cương về sự xâm nhập gián điệp của Nhà Minh và cải thiện các loại vũ khí và đạn dược theo kỹ thuật của phương tây và của Hồ Nguyên Trừng trước đó.

Về lương thực, quân đội có loại lương khô bằng thóc sấy chín có thể dùng trong vài năm. Nhà Minh vì vậy rất e dè không dám hạch sách hay dòm ngó.

Hành Chánh

Về Hành Chánh, để chia sẻ quyền hành nhằm tăng cao năng suất quản trị, nhà vua cho thành lập 6 Bộ thay vì chỉ có 3 Bộ dưới đời Vua Lê Lợi.

Đại cương trách nhiệm của sáu bộ đó là

1. Bộ Lại: trách nhiệm tuyển mộ, phân phối, thăng thưởng các quan chức.
2. Bộ Lễ: trách nhiệm về văn hoá và giáo dục: tổ chức trường ốc, thi cử, và gìn giữ văn miếu, đền chùa, phong tục, tập quán.
3. Bộ Hộ: Trông coi về tài chánh, lương bổng, ruộng đất, nhà cửa, kho tàng, thuế khóa.
4. Bộ Binh: Trách nhiệm tổ chức, huấn luyện, thanh tra quân đội; canh phòng giặc giã.
5. Bộ Hình: Trông coi về việc thi hành pháp luật; tổ chức các tòa án xét xử các vụ kiện cáo.
6. Bộ Công: Trách nhiệm về xây cất cầu đường, dinh thự, thành trì, quản lý thợ thuyền.

Về Kinh Tế và Thương Mại, nhà vua cho sửa đổi luật thuế đinh, thuế điền, trợ giúp nhà

nông, khuyến khích mở đồn điền cụ thể qua các Chi, Dụ, hay Chiếu như “Chiếu Khuyến Nông”, “Chiếu Lập Đồn Điền”, “Chiếu Định Quan Chê”, v.v. Nhờ các chính sách đó, nhiều ngành thủ công nghiệp đã phát triển đáng kể như nghề in và làm giấy, nghề làm đồ gốm, đồ sứ, dệt lụa, uôm tơ, dệt vải, nghề mộc, trạm trở. Nhà vua đích thân chỉ dụ rằng:

Trong dân gian hễ có dân là có chợ để lưu thông hàng hóa mở đường giao dịch cho dân. Các xã chưa có chợ có thể lập thêm chợ mới không được trùng hay trước ngày họp chợ cũ để tránh tình trạng tranh giành khách hàng của nhau.

Thêm vào đó, nhà vua còn cho áp dụng những quy định đặc biệt như ấn định tuổi 65 là tuổi về hưu và bãi bỏ luật tập quyền (cha truyền con nối) đối với các gia đình có công trạng.

Giáo Dục

Chọn người tài đức ra làm quan.

Đề cao Khổng Học, thành lập Hàn Lâm Viện, Quốc Sư Viện, Nhà Thái Học, và Quốc Tử Giám.

Lập Bia Tiến Sĩ đặt tại Văn Miếu tức Quốc Tử Giám vào năm 1484.

Thành lập Hội Tao Đàn với 28 nhà thơ xuất sắc gọi là Nhị Thập Bát Tú và ông được coi là Sao Bắc Đẩu.

Luật Pháp

Nổi bật nhất trong triều đại Lê Thánh Tông là công trình tiếp tục biên soạn và hoàn tất bộ *Quốc Triều Hình Luật* hay *Luật Hồng Đức* và tinh thần thượng tôn pháp luật. Chính nhà vua đã ra chỉ dụ rằng: “*Pháp luật là phép công của nhà nước. Ta cùng các người phải tuân theo.*”

Bộ Luật Hồng Đức được coi là một bộ luật cấp tiến vào thời đại đó với những điều luật bảo vệ quyền lợi cho nữ giới như chồng và vợ phải có nghĩa vụ ngang nhau (tục ngữ: “của chồng, công vợ”); cấm ngược đãi vợ; vợ có quyền xin ly hôn; con gái có quyền thừa kế ngang với con trai; và nêu lên những nguyên tắc cơ bản như “vô luật

bất thành hình” (không có luật thì không bị tội); “pháp bất vị thân” (pháp luật không chừa ai dù là thân thích); “nguyên tắc tự vệ chính đáng”; “tình trạng khẩn cấp”; “tình trạng bất khả kháng”; “tự thú”; và v.v. Thêm vào đó, để bảo đảm sự công lý và tránh sự lạm dụng quyền lực.

Luật Hồng Đức cũng minh thị những điều khoản luật tố tụng quy định thẩm quyền của các hệ cấp tòa án, thủ tục xử án, phương pháp xử án, thủ tục bắt người.

Nhiều quy định cấp tiến kể trên không thấy có trong các bộ luật sau này vào thời Nhà Nguyễn.

Luật Hồng Đức bao gồm nhiều bộ môn như: quân luật, hình sự, dân luật, tố tụng, hôn nhân, gia đình, và hành chính.

Đầu thế kỷ 20, bộ luật này được dịch sang tiếng Pháp và được Lương Thân Cao Nãi Quang thuộc Đại Học Luật Khoa Saigon chuyển sang quốc ngữ, Nguyễn Sĩ Giác hiệu đính, Vũ Văn Mậu viết lời tựa, và Nguyễn Văn Cửa ấn hành vào năm 1956.

Bộ Luật Hồng Đức có 6 quyển bao gồm 722 điều trong 13 chương.

1. Chương Danh lệ: 49 điều quy định về những vấn đề cơ bản có tính chất chi phối nội dung các chương điều khác (quy định về thập ác, ngũ hình, bát nghị, chuộc tội bằng tiền v.v.).

2. Chương Vệ cấm: 47 điều quy định về việc bảo vệ cung cấm, kinh thành và các tội về cấm vệ.

3. Chương Vi chế: 144 điều quy định về hình phạt cho các hành vi sai trái của quan lại, các tội về chức vụ.

4. Chương Quân chính: 43 điều quy định về sự trừng phạt các hành vi sai trái của tướng, sĩ, các tội quân sự.

5. Chương Hộ hôn: 58 điều quy định về hộ tịch, hộ khẩu, hôn nhân-gia đình và các tội phạm trong các lĩnh vực này.

6. Chương Điền sản: 59 điều, trong đó 32 điều ban đầu và 27 điều bổ sung sau (14 điều về điền sản mới tăng thêm, 4 điều về luật hương

hỏa, 9 điều về châm chước bỏ sung luật hương hỏa) quy định về ruộng đất, thừa kế, hương hỏa và các tội phạm trong lĩnh vực này.

7. Chương Thông gian: 10 điều quy định về các tội phạm tình dục.

8. Chương Đạo tặc: 54 điều quy định về các tội trộm cướp, giết người và một số tội chính trị như phản nước hại vua.

9. Chương Đấu tụng: 50 điều quy định về các nhóm tội đánh nhau (ấu đả) và các tội vu cáo, lăng mạ v.v

10. Chương Trá ngục: 38 điều quy định các tội giả mạo, lừa dối.

11. Chương Tạt luật: 92 điều quy định về các tội không thuộc các nhóm tội danh trên đây.

12. Chương Bộ vong: 13 điều quy định về việc bắt tội phạm chạy trốn và các tội thuộc lĩnh vực này.

13. Chương Đoán ngục: 65 điều quy định về việc xử án, giam giữ can phạm và các tội phạm trong lĩnh vực này.

Tóm lại, các định chế pháp lý là biểu hiện của thượng tầng kiến trúc của xã hội văn minh phản ánh tư duy của giới cầm quyền.

Bộ Luật Hồng Đức (khoảng giữa thế kỷ 15: 1449) là một điểm son chói lọi biểu thị tinh thần pháp trị trong thời đại quân chủ của đất nước ta. Nhờ đó mọi hoạt động về văn hóa, văn học, giáo dục, nghệ thuật, quân sự, và kinh tế, ngoại giao phát triển tốt đẹp.

Ngược lại, các bộ luật sau này của Nhà Nguyễn Gia Long (1811) đã tỏ ra có sự thụt lùi trong chủ trương trở lại chế độ quân chủ chuyên chế.

Một số điều khoản trong Luật Hồng Đức về hôn nhân, di sản, và thừa kế quy định chi tiết và cụ thể hơn so với luật đời Nhà Đường nên sau này các tòa án dưới thời Pháp Thuộc và Việt nam Cộng Hòa vẫn sử dụng để xử các vụ kiện liên quan đến tài sản của vợ chồng.

So với bộ Hoàng Việt Luật Lệ hay còn gọi là Luật Gia Long, Giáo Sư Vũ Văn Mẫu có nhận xét:

Bao nhiêu những sự tân kỳ, mới lạ trong bộ luật Triều Lê đã không còn lưu lại một chút dấu tích nào trong luật lệ Nhà Nguyễn. Không còn liên quan đến hương hỏa, đến chúc thư, đến các điều kiện về giá thú, hay đến chế độ tài sản của vợ chồng.” (Vũ Văn Mẫu, Cổ Luật Việt Nam và Tư Pháp Sử, 1973).

Điểm tiến bộ vượt bậc trong Luật Hồng Đức là vai trò của nữ giới được đề cao và bảo vệ hơn hẳn so với các bộ luật đương thời: người vợ có quyền quản lý tài sản khi chồng qua đời và có quyền thừa kế như nam giới; hình phạt cho nữ giới bao giờ cũng nhẹ hơn so với nam giới.

~*~

Thơ Lê Thánh Tông

Ngoài tài về lãnh đạo chỉ huy, vua Lê Thánh Tông còn tỏ ra lỗi lạc về văn chương thi phú và phê bình văn học hơn hẳn so với các nhà nho đương thời trong Hội Tao Đàn của nhà vua sáng lập nhằm khuyến khích các quan làm thơ Nôm. Nhà vua đã tự nói về mình như sau:

Trống đời canh, còn đọc sách
Chiêng xế bóng, chưa thôi câu
Nhiều bài thơ của nhà vua tỏ ra khẩu khí của bậc đế vương như bài “Vịnh Con Cóc”.
Chẳng hạn:

Bố mẹ sinh ra vốn áo sồi
Chón nghiêm thăm thẳm một mình ngồi
Chép miệng nuốt ba con kiến gió
Nghiến răng chuyển động bốn phương trời

*

Nhân buổi sáng đi tuần tra từ Sông Cẩm ra Biển Đông, vua Lê Thánh Tông ghi lại cảm hứng của bậc đế vương anh hùng trước phong cảnh hùng vĩ của non sông qua những câu thơ thật lẫm liệt và sống động như sau:

Nắng ấm nghìn trùng
Tỏa trên ngọn cờ
Khí thế ba quân át cây cáo
Phương đông mặt trời lộ dạng
Mây nhẹ trôi
Phóng mắt nhìn

Núi sông dài muôn dặm
Và sau đây là một vài bài thơ tình cảm của
nhà vua:

Hoa Biệt Nói
Quốc sắc xem bằng ngọc mới đồng
Hay cười hay thốt khá bằng bông
Nhiều phen hỏi nguyệt theo hơi quế
Mấy phút chào xuân kém nhụy hồng
Một thức thơm tho lâu gác phượng
Mười phần tươi tốt mặt tai rồng
Bên thành, cách ngõ, lòng chưa phi
Bao mượn thuyền Đò đắp đỉnh Bồng

*

Nhớ Người Xa
Sông trong, sao lạt, về sao thưa
Gác cũ rêu đầy lấp dấu thơ
Mưa tạnh, hoa rầu, chiều lạt mặt
Xuân về, én thắm, tiếng u ơ
Đèn tàn, ruột thắt, hồn xơ xác
Gối chiếc, châu đầm, giấc ngắn ngo
Lá thắm, thơ bày, mong bắt chước
Nước xuôi, thơ ngược, biết bao giờ?

*

Trung Vương
Trợ dân, dẹp loạn, trả thù mình
Chị cũng như em cất nghĩa binh
Tô Định bay hồn, vang một trận
Lĩnh Nam mở cõi, vững trăm thành
Còn nước, còn non, còn miếu mạo
Nữ trung đệ nhất đẳng tài danh

*

Trong dịp du ngoạn qua Miếu Vũ Nương
tức Thiều Phụ Nam Xương, người đã nhẩy
xuống sông tự vẫn để tự mình oan với chồng vì
nghĩ nặng ngoại tình trong lúc chàng đi lính xa
nhà, nhà vua có bài thơ:

Điếu Vũ Nương
Nghỉ ngút đầu ghềnh tỏa khói hương
Miếu ai như Miếu Vợ Chàng Trương?
Ngọn đèn dù tắt đừng nghe trẻ
Dòng nước chi cho lụy đến nàng?
Chứng quả đã đôi vầng nhật nguyệt

Giải oan chớ mượn tới đàn tràng
Qua đây mới biết nguồn cơn ấy
Khá trách chàng Trương quá phũ phàng

*

Thương cảm cho Vũ Nương bị oan khuất,
nhưng tại sao nhà vua lại không có lấy nửa bài
thơ thương cảm cho Thị Lộ, người đã có ơn cứu
mạng mẹ con nhà vua dưới đời Lê Thái Tông?
Chắc hẳn nhà vua không còn muốn nhắc tới câu
chuyện thương tâm ấy nữa vì nhắc tới bao nhiêu
chẳng nữa thì cũng chẳng làm sao đền bù lại
được. Chi bằng giữ nguyên vẹn tấm lòng biết
ơn hơn là khua động lại làm cho linh hồn người
oan khuất không được an nghỉ. Tuy nhiên nhà
vua đã xuống chiếu giải oan cho Nguyễn Trãi
với một câu nói giản dị mà rất sâu xa: “Úc Trai
tâm thượng quang Khuê tảo” nghĩa là “Tâm
lòng Úc Trai sáng như Sao Khuê”.

Tổng kết

Vua Lê Thánh Tông là một vị vua thông
minh, hiểu biết cao rộng, và đức hạnh hơn người.

Chắc hẳn nhà vua đã được bà mẹ Ngọc Dao
chăm sóc thật chu đáo và các vị chân sư hết lòng
truyền thụ kiến thức và kinh nghiệm kể từ khi bà
Ngọc Dao phải ẩn tránh ở Chùa Huy Văn.

Nhà vua khi lên ngôi đã giải nổi hàm oan
cho Nguyễn Trãi và không cho truy cứu ai là
thủ phạm giết vua Thái Tông, có thể vì bà Ngọc
Dao đã dặn vua Thánh Tông rằng: “Chính
Nguyễn Thị Anh đã ngấm sai Tạ Thanh bỏ
thuốc độc cho Thái Tông chết. Nhưng con nên
giữ kín việc ấy.” (Hoàng Cơ Thụy, *Việt Sử
Khảo Luận*).

Với tất cả những công trình cải cách vượt
bực về mọi địa hạt cùng với sự mở mang bờ cõi
Đại Việt đem lại một thời gian thái bình thịnh trị
dài tới 300 năm mà đời sau vô cùng luyến tiếc,
Vua Lê Thánh Tông nên phải được tuyên dương
là “*Danh Nhân Cải Cách Xã Hội Thế Giới*”.

*

Biết Đến Bao Giờ NHẠC HỒ BẢNG
THƠ PHAN KHÂM

Valse lente ♩ = 95
Phổ từ bài thơ Nợ Với Giai Nhân của Thi sĩ PHAN KHÂM

Có còn Xuân trên những cồn lau sậy!

Theo tháng ngày bạc thếp giữa bờ vờ.

Có còn Xuân nụ hôn nào thức giấc

Gởi cho đời Xuân em à giấc mơ

Nắng mở ngõ để hôn mê lòng lộng

Chuối xuân tình xin dâng trọn nắng thơ,

Bướm và hoa như mê man còn mộng, tóc em

dài óng à vãn vương tơ, Mũi lịch

G A Em
 mới nhà hương thơm mới mọc, mở trang
 A⁹ D
 đầu hồng phơi phơi trính nguyên; vòng tay
 G Em₃
 nói tình xuân trong ngà ngọc, cõi giao
 A E A A⁷
 thừa ăn sủng một bình yên.
 D D⁷
 Đất trời Xuân và em có còn xuân?
 Em A⁹ D
 xin dòng đời đừng trôi chảy băng kuàng,
 Bm F[#]m Bm
 Xuân về đó..... còn Xuân ta còn nợ.....
 A⁷ Rall. A⁹..... D Fine
 đến bao giờ trả hết nợ giải nhân./